

TP.HCM, ngày 16 tháng 02 năm 2022

Số: 829 /2022/EIB-TGD

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ**Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM**

- Tên tổ chức: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam
 - Mã chứng khoán: EIB.
 - Địa chỉ: Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16 Tòa nhà Vincom Center, số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, Tp.Hồ Chí Minh.
 - Điện thoại liên hệ: (028) 38279067
 - Email: vphdqt@eximbank.com.vn
 - Website: <https://www.eximbank.com.vn>
- Nội dung thông tin công bố: Biên bản họp và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Eximbank năm 2021 tổ chức lần thứ hai vào ngày 15/02/2022.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 16/02/2022 tại đường dẫn <http://www.eximbank.com.vn/daihoi dongcodong>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. *a*

Tài liệu đính kèm:

- Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 tổ chức lần thứ hai vào ngày 15/02/2022;
- Phụ lục tài liệu được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 lần thứ hai;

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Văn phòng HĐQT Eximbank

Người đại diện theo pháp luật *Whu*

Tổng Giám đốc



Trần Tấn Lộc

Tp.HCM, ngày 15 tháng 02 năm 2022

NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN EXIMBANK NĂM 2021**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp 2020 và các quy định pháp luật liên quan;
- Luật Các tổ chức tín dụng 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng 2017 (“Luật Các TCTD”);
- Luật Chứng khoán 2019;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn hướng dẫn Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (“Điều lệ”);
- Căn cứ kết quả biểu quyết các nội dung trình Đại hội đồng Cổ đông (“ĐHĐCD”);
- Căn cứ Biên bản họp ĐHĐCD thường niên năm 2021 lần thứ 2,


QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Tờ trình về việc uỷ quyền cho Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) cập nhật, bổ sung Quy chế tài chính của Eximbank.

Điều 2. Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung các nội dung khác của Điều lệ Eximbank, cụ thể như sau:

1. Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung khác của Điều lệ được liệt kê trong Bảng đề xuất các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ (đính kèm).
2. Giao HĐQT thực hiện các nội dung sau:
 - Hoàn thiện Điều lệ mới theo các nội dung sửa đổi, bổ sung được ĐHĐCD thông qua và hướng dẫn của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có).
 - Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT về các nội dung liên quan đến Điều lệ (bao gồm các Điều, khoản có dẫn chiếu đến Điều lệ) và ban hành Quy chế mới để thực hiện.
 - Gửi Điều lệ cho các Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo đúng quy định và thông báo cho cổ đông trên website của Ngân hàng.

Điều 3. Thông qua Tờ trình về việc ban hành mới Quy chế quản trị nội bộ:

1. Thông qua việc ban hành mới Quy chế quản trị nội bộ Eximbank (đính kèm) 



2. Giao/phân quyền/ủy quyền toàn bộ cho Hội đồng quản trị tiến hành các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật, hoàn thiện chỉnh sửa toàn bộ nội dung Quy chế quản trị nội bộ nhằm phù hợp quy định pháp luật và hướng dẫn của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu cần thiết); thực hiện đăng ký/thông báo cho các Cơ quan quản lý Nhà nước và thông báo cho Cổ đông trên website của Eximbank.

Điều 4. Thông qua Tờ trình về việc ban hành mới Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT:

1. Thông qua việc ban hành mới Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Eximbank (đính kèm).
2. Giao/phân quyền/ủy quyền toàn bộ cho Hội đồng quản trị tiến hành các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật, hoàn thiện chỉnh sửa toàn bộ nội dung và ban hành mới Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Eximbank nhằm phù hợp quy định pháp luật và hướng dẫn của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu cần thiết).

Điều 5. Thông qua Tờ trình về việc ban hành mới Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát (“BKS”):

1. Thông qua việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát (đính kèm).
2. Giao/phân quyền/ủy quyền toàn bộ cho Ban kiểm soát tiến hành các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật, hoàn thiện/chỉnh sửa các nội dung có dẫn chiếu đến điều khoản tại Điều lệ đảm bảo phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ hiện hành.

Điều 6. Thông qua số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ VII (2020 - 2025) là 07 thành viên, trong đó có 01 thành viên HĐQT độc lập.

Điều 7. Thông qua số lượng thành viên BKS nhiệm kỳ VII (2020 - 2025) là 03 thành viên, trong đó phải có ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác.

Điều 8. Thông qua danh sách trúng cử thành viên HĐQT Eximbank nhiệm kỳ VII (2020-2025) tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 lần thứ hai gồm:

STT	Họ tên	Chức danh
1	Ông Võ Quang Hiến	Thành viên HĐQT
2	Ông Nguyễn Hiếu	Thành viên HĐQT
3	Bà Lê Hồng Anh	Thành viên HĐQT
4	Ông Đào Phong Trúc Đại	Thành viên HĐQT độc lập

5	Bà Lương Thị Cẩm Tú	Thành viên HĐQT
6	Ông Nguyễn Thanh Hùng	Thành viên HĐQT
7	Bà Đỗ Hà Phương	Thành viên HĐQT

Điều 9. Thông qua danh sách trúng cử thành viên Ban Kiểm soát Eximbank nhiệm kỳ VII (2020-2025) tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 lần thứ hai gồm:

STT	Họ tên	Chức danh
1	Ông Ngo Tony	Thành viên BKS
2	Bà Phạm Thị Mai Phương	Thành viên BKS
3	Ông Trịnh Bảo Quốc	Thành viên BKS

Điều 10. Điều khoản thi hành:

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2022. Các nội dung trước đây trái với Nghị quyết này hết hiệu lực thi hành.

Các thành viên HĐQT, BKS, Ban Điều hành chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai thực hiện theo chức năng nhiệm vụ hoạt động của mình phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Eximbank.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Nơi nhận:

- Như Điều 10;
- Các cổ đông;
- NHNN (để báo cáo);
- UBCKNN;
- SGDCK VN;
- SGDCK Tp.HCM;
- TTLKCK Tp.HCM;
- Lưu Văn phòng HĐQT. *M*



Yasuhiro Saitoh



Tp.HCM, ngày 15 tháng 02 năm 2022

BIÊN BẢN HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 LẦN THỨ HAI

I. TÊN DOANH NGHIỆP, ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH, SỐ GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP:

- Tên doanh nghiệp: **Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam (“Eximbank”).**
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 8 Văn phòng số L8-01-11+16 - Tòa nhà Vincom Center, số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
- Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0301179079 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 23/7/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 28 ngày 16/9/2021.

II. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG (“ĐHĐCĐ”):


- Thời gian:** Bắt đầu lúc 9 giờ 13 phút, ngày 15 tháng 02 năm 2022.
- Địa điểm:** Trung tâm Hội nghị White Palace, 194 Hoàng Văn Thụ, Phường 9, Quận Phú Nhuận, TP.HCM

III. THÀNH PHẦN THAM DỰ:

- Cổ đông, đại diện theo ủy quyền hợp pháp của cổ đông.
- Đại diện Ngân hàng Nhà nước gồm:
 - Ông Nguyễn Tuấn Anh - Phó Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Cơ quan Thanh tra, giám sát Ngân hàng;
 - Ông Nguyễn Duy Phương - Phó Cục trưởng Cục Thanh tra, giám sát ngân hàng II, Cơ quan Thanh tra, giám sát Ngân hàng;
 - Bà Phùng Ngọc Việt Nga - Trưởng phòng Tư vấn pháp luật, Vụ Pháp chế.
 - Ông Phan Tấn Trung - Phó Chánh Thanh tra, giám sát Ngân hàng - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh.
- Hội đồng quản trị (“HDQT”), Ban kiểm soát (“BKS”) và Ban Điều hành Eximbank
- Đại diện các cơ quan thông tấn báo chí ở trung ương và địa phương.

IV. CHƯƠNG TRÌNH, NỘI DUNG VÀ DIỄN TIẾN ĐẠI HỘI:

A. PHẦN NGHI THỨC:

- Tuyên bố lý do và giới thiệu khách mời, đại biểu** tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 lần thứ hai: 

Bà Đinh Thị Thu Thảo - Phó Tổng giám đốc - Người dẫn chương trình Đại hội:
Thay mặt Ban Tổ chức Đại hội tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu, khách mời
tham dự Đại hội.

2. Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội:

Ông Trần Ngọc Dũng - Trưởng BKS - Trưởng Ban thẩm tra tư cách cổ đông
("TTTCCĐ") đọc báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội:

- Tổng số cổ đông vào thời điểm chốt danh sách (22/03/2021) để tiến hành Đại hội là: 15.036 cổ đông, nắm giữ tổng số: 1.229.432.904 cổ phiếu (không bao gồm 6.090.000 cổ phiếu quỹ).
- Tính đến 09 giờ 13 phút, sáng ngày 15/02/2022, tổng số cổ đông tham dự (tham dự trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hợp pháp) tại Đại hội lần này là: 126 cổ đông, nắm giữ 1.051.199.110 cổ phiếu, đại diện 85,50% tổng số phiếu biểu quyết.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp; Luật Các Tổ chức Tín dụng và Điều lệ Eximbank, Đại hội của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam đủ điều kiện để tiến hành.

3. Thông qua Quy chế tiến hành họp Đại hội và thành phần Ban kiểm phiếu:

a) Ông Trần Ngọc Dũng - Trưởng BKS - Trưởng Ban TTTCCĐ trình bày tóm tắt Quy chế tiến hành họp Đại hội để trình Đại hội thông qua. Cổ đông tiến hành biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết số 1 và sau đó, ông Trần Ngọc Dũng công bố kết quả biểu quyết thông qua Quy chế tiến hành họp Đại hội như sau:

- Tổng số phiếu phát ra là: 114 phiếu, đại diện cho 1.163.024.422 cổ phần, chiếm tỷ lệ 94,6% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Tổng số phiếu thu về là: 101 phiếu, đại diện cho 1.162.785.015 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,98% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.
 - i. Đồng ý: 700.689.797 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 60,25% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự đại hội;
 - ii. Không đồng ý: 462.095.198 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 39,73% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự đại hội;
 - iii. Không có ý kiến: 0 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,00% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự đại hội;
 - ❖ Không hợp lệ là: 20 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,00% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự đại hội.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý của Đại hội là 60,25%, đạt trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội chấp thuận theo quy định của Điều lệ Eximbank. Như vậy, Đại hội đã thông qua Quy chế tiến hành họp Đại hội.

b) Ông Trần Ngọc Dũng - Trưởng BKS - Trưởng Ban TTTCCĐ đọc Tờ trình về việc bầu thành viên Ban kiểm phiếu để trình Đại hội thông qua, bao gồm:

- Ông Nguyễn Hường Minh - Phó TGD - Trưởng Ban;

- Ông Nguyễn Quân - Trưởng phòng kiểm toán các đơn vị vận hành và Hội sở - Phó Trưởng Ban;
- Ông Nguyễn Đình Tuấn - Phó GD Khối CNTT và VH - Thành viên;
- Ông Nguyễn Minh Tuấn - Giám đốc Khối Hỗ trợ - Thành viên.

Cổ đông tiến hành biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết số 2. Sau khi thực hiện kiểm phiếu, ông Trần Ngọc Dũng công bố kết quả biểu quyết thông qua danh sách thành viên Ban kiểm phiếu Đại hội như sau:

- Tổng số phiếu phát ra là: 115 phiếu, đại diện cho 1.163.024.432 cổ phần, chiếm tỷ lệ 94,6% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Tổng số phiếu thu về là: 95 phiếu, đại diện cho 1.162.962.792 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,99% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.
 - i. Đồng ý: 1.150.091.582 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 98,89% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự đại hội;
 - ii. Không đồng ý: 12.870.010 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 1,11% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự đại hội;
 - iii. Không có ý kiến: 0 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,00% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự đại hội;
 - ❖ Không hợp lệ là: 1.200 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,00% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự đại hội.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý của Đại hội là 98,89%, đạt trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội chấp thuận theo quy định của Điều lệ Eximbank. Như vậy, Đại hội đã thông qua danh sách thành viên Ban kiểm phiếu.

4. Chủ tọa đề nghị Chủ tọa đoàn, đề cử Tổ thư ký Đại hội, chọn Tổ giám sát kiểm phiếu:

Ông Yasuhiro Saitoh - Chủ tịch HĐQT Eximbank làm Chủ tọa Đại hội theo quy định tại khoản 4 Điều 34 Điều lệ Eximbank; Chủ tọa Đại hội đề nghị Chủ tọa đoàn, đề cử Tổ thư ký Đại hội, và chọn Tổ giám sát kiểm phiếu như sau:


a) Chủ tọa đoàn:

- Ông Yasuhiro Saitoh Chủ tịch HĐQT Eximbank là Chủ tọa.
- Ông Trần Ngọc Dũng Trưởng BKS.
- Ông Trần Tấn Lộc Tổng giám đốc.

b) Tổ thư ký:

- Ông Nguyễn Văn Thủy Trưởng Phòng Pháp chế và Tuân thủ
- Bà Trần Thị Kim Mai Phó Chánh Văn phòng HĐQT
- Bà Bùi Thị Nguyệt Anh Trợ lý Tổng giám đốc

c) Tổ giám sát kiểm phiếu:

Chủ tọa đoàn chọn Tổ giám sát kiểm phiếu gồm các Ông/Bà sau: 

- Bà Trịnh Thị Thu Hương, Số căn cước công dân 034181008853 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp.
- Bà Huỳnh Thị Kim Tuyền, Số căn cước công dân 025166000168 do Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư cấp.

5. Thông qua Chương trình họp Đại hội:

Bà Đinh Thị Thu Thảo - Phó Tổng giám đốc - Người dẫn chương trình Đại hội đọc Chương trình họp Đại hội.

Cổ đông tiến hành biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết số 3.

Ban kiểm phiếu thực hiện kiểm phiếu theo quy định. Chủ tọa đoàn công bố kết quả biểu quyết thông qua Chương trình họp Đại hội như sau:

- Tổng số phiếu phát ra là: 117 phiếu, đại diện cho 1.163.034.414 cổ phần, chiếm tỷ lệ 94,6% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Tổng số phiếu thu về là: 100 phiếu, đại diện cho 1.163.002.902 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,997% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.
 - i. Đồng ý: 700.873.447 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 60,26% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự đại hội;
 - ii. Không đồng ý: 462.095.198 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 39,73% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự đại hội;
 - iii. Không có ý kiến: 34.237 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,00% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự đại hội.
 - ❖ Không hợp lệ là: 20 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,00% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự đại hội.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý của Đại hội là 60,26%, đạt trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội chấp thuận theo quy định của Điều lệ Eximbank. Như vậy, Đại hội đã thông qua Chương trình họp Đại hội.

B. PHẦN NỘI DUNG:


Các nội dung được trình bày và lấy ý kiến thông qua tại Đại hội: (từ 10 giờ 51 phút đến 15 giờ 00 phút).

1. Ông Yasuhiro Saitoh - Chủ tịch HĐQT phát biểu khai mạc Đại hội.

Ông Nguyễn Đình Đại - Chánh VP. HĐQT trình bày:

- Báo cáo hoạt động của HĐQT, hoạt động của các Hội đồng, Ủy ban trực thuộc HĐQT năm 2018, năm 2019 và phương hướng hoạt động HĐQT năm 2019, năm 2020 (đính kèm).
- Báo cáo của thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của thành viên HĐQT độc lập, đánh giá hoạt động của HĐQT năm 2018, 2019 (đính kèm).

2. Ông Trần Ngọc Dũng - Trưởng BKS trình bày Báo cáo của BKS về hoạt động năm 2018, 2019 và định hướng năm 2019, 2020 (đính kèm).

3. Ông Nguyễn Đình Đại - Chánh VP. HĐQT trình bày: 

- a) Báo cáo toàn bộ quá trình thực hiện các thủ tục đề cử, ứng cử, bao gồm cả việc chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền đề cử, ứng cử.
- b) Tờ trình về việc bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ VII (2020 - 2025) (*đính kèm*).
4. Ông Nguyễn Hướng Minh - Phó Tổng giám đốc, Trưởng Ban kiểm phiếu hướng dẫn cổ đông cách thức biểu quyết và bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ VII (2020 - 2025) trước khi cổ đông tiến hành biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết số 5.
5. Từ 12 giờ 14 phút đến 12 giờ 20 phút cổ đông thực hiện biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết số 5:
- Thông qua số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ VII (2020 - 2025) là 07 thành viên, trong đó có 01 thành viên HĐQT độc lập.
 - Thông qua số lượng thành viên BKS nhiệm kỳ VII (2020 - 2025) là 03 thành viên, trong đó phải có ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác.
- Từ 12 giờ 21 phút Ban kiểm phiếu thực hiện kiểm Phiếu biểu quyết số 5 theo quy định.
6. Ông Nguyễn Hồ Hoàng Vũ - Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính trình bày Báo cáo của Ban Điều hành về hoạt động kinh doanh năm 2018, 2019 và kế hoạch kinh doanh năm 2019, 2020 (*đính kèm*).
7. Đại diện công ty kiểm toán KPMG trình bày Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2018, 2019 đã được kiểm toán (*đính kèm*).
8. Ông Nguyễn Hồ Hoàng Vũ - Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính trình bày Tờ trình về kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2018, 2019 (*đính kèm*).
9. Ông Nguyễn Hồ Hoàng Vũ - Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính trình bày Tờ trình liên quan thù lao và ngân sách hoạt động của HĐQT năm 2019, 2020 (*đính kèm*).
10. Lúc 12 giờ 48 phút, Ông Nguyễn Hướng Minh - Phó Tổng giám đốc - Trưởng Ban kiểm phiếu công bố kết quả biểu quyết của Phiếu biểu quyết số 5 như sau:
- 10.1. Thông qua số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ VII (2020 - 2025) là 07 thành viên, trong đó có 01 thành viên HĐQT độc lập.
- Tổng số phiếu phát ra là: 118 phiếu, đại diện cho 1.163.035.614 cổ phần, chiếm tỷ lệ 94,60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.
 - Tổng số phiếu thu về là: 86 phiếu, đại diện cho 1.162.968.290 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,99% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.
 - i. Đồng ý: 700.831.836 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 60,26% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự đại hội: *u*

- ii. Không đồng ý: 462.105.163 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 39,73% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự đại hội;
- iii. Không có ý kiến: 31.291 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,00% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự đại hội.
- ❖ Không hợp lệ là: 0 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,00% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự đại hội.

Tỷ lệ biểu quyết đồng ý của Đại hội là 60,26%, đạt trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội chấp thuận theo quy định của Điều lệ Eximbank. Như vậy, Đại hội đã thông qua số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ VII (2020 - 2025) là 07 thành viên, trong đó có 01 thành viên HĐQT độc lập.

10.2. Thông qua số lượng thành viên BKS nhiệm kỳ VII (2020 - 2025) là 03 thành viên, trong đó phải có ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác.

- Tổng số phiếu phát ra là: 118 phiếu, đại diện cho 1.163.035.614 cổ phần, chiếm tỷ lệ 94,6% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.
- Tổng số phiếu thu về là: 86 phiếu, đại diện cho 1.162.968.290 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,99% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.
 - i. Đồng ý: 700.841.811 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 60,26% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự đại hội;
 - ii. Không đồng ý: 462.095.188 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 39,73% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự đại hội;
 - iii. Không có ý kiến: 31.291 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,00% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự đại hội.
 - ❖ Không hợp lệ là: 0 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,00% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự đại hội.


Tỷ lệ biểu quyết đồng ý của Đại hội là 60,26%, đạt trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội chấp thuận theo quy định của Điều lệ Eximbank. Như vậy, Đại hội đã thông qua số lượng thành viên BKS nhiệm kỳ VII (2020 - 2025) là 03 thành viên, trong đó phải có ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác.

11. Sau khi có kết quả thông qua số lượng thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ VII (2020 - 2025), chủ tọa đoàn đề nghị cổ đông thực hiện bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ VII (2020 - 2025) bằng Phiếu bầu số 6 và Phiếu bầu số 7.

Từ 12 giờ 54 phút đến 13 giờ 10 phút cổ đông thực hiện bầu:

- Thành viên HĐQT nhiệm kỳ VII (2020 - 2025) theo danh sách đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận bằng Phiếu bầu số 6.
- Thành viên BKS nhiệm kỳ VII (2020 - 2025) theo danh sách đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận bằng Phiếu bầu số 7.

Từ 13 giờ 11 phút Ban kiểm phiếu thực hiện kiểm Phiếu bầu số 6 và Phiếu bầu số 7 theo quy định.

12. Ông Nguyễn Hồ Hoàng Vũ - Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính trình bày Tờ trình về kinh phí hoạt động và thù lao của BKS năm 2019, 2020 (đính kèm).
13. Ông Nguyễn Hồ Hoàng Vũ - Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính trình bày Tờ trình về việc uỷ quyền cho HĐQT cập nhật, bổ sung Quy chế tài chính của Eximbank (đính kèm).
14. Ông Nguyễn Văn Thủy - Trưởng Phòng Pháp chế và Tuân thủ trình bày 04 Tờ trình về việc điều chỉnh Điều lệ Eximbank (đính kèm).
 - a. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 2 Điều lệ Eximbank.
 - b. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều 33 Điều lệ Eximbank.
 - c. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 35 Điều lệ Eximbank.
 - d. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung các nội dung khác của Điều lệ Eximbank.
15. Ông Nguyễn Hồ Hoàng Vũ - Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính trình bày Tờ trình về chấp thuận đầu tư dự án Trụ sở Eximbank tại số 7 Lê Thị Hồng Gấm, Quận 1, TPHCM (đính kèm).
16. Ông Nguyễn Đình Đại - Chánh VP. HĐQT trình bày kiến nghị của 2 nhóm cổ đông về việc miễn nhiệm các thành viên HĐQT nhiệm kỳ VI (2015 - 2020) (đính kèm)
17. Ông Nguyễn Đình Đại - Chánh VP. HĐQT trình bày Báo cáo hoạt động của HĐQT, hoạt động của các Hội đồng, Ủy ban trực thuộc HĐQT năm 2020 và phương hướng hoạt động HĐQT năm 2021 (đính kèm).
18. Ông Trần Ngọc Dũng - Trưởng BKS trình bày Báo cáo của BKS về hoạt động năm 2020 và định hướng hoạt động năm 2021.
19. Ông Nguyễn Hồ Hoàng Vũ - Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc tài chính trình bày Báo cáo của Ban điều hành về hoạt động kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021 (đính kèm).
20. Đại diện công ty kiểm toán Ernst & Young trình bày Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán.
21. Ông Nguyễn Hồ Hoàng Vũ - Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính trình bày Tờ trình về kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2020 (đính kèm).
22. Ông Nguyễn Hồ Hoàng Vũ - Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính trình bày Tờ trình về tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động của HĐQT năm 2021 (đính kèm).
23. Ông Nguyễn Hồ Hoàng Vũ - Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính trình bày Tờ trình về kinh phí hoạt động và thù lao của BKS năm 2021 (đính kèm).
24. Ông Nguyễn Đình Đại - Chánh VP. HĐQT trình bày Tờ trình thông qua việc ban hành mới Quy chế quản trị nội bộ.
25. Ông Nguyễn Đình Đại - Chánh VP. HĐQT trình bày Tờ trình thông qua việc ban hành mới Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT 

26. Lúc 14 giờ 21 phút Ông Nguyễn Hướng Minh - Phó Tổng giám đốc, Trưởng ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ VII (2020 - 2025) (Phiếu số 6) và kết quả kiểm Phiếu bầu thành viên BKS nhiệm kỳ VII (2020 - 2025) (Phiếu số 7).

26.1. Kết quả kiểm phiếu bầu cử thành viên HĐQT Eximbank nhiệm kỳ VII (2020 - 2025) (Phiếu số 6)

- Tổng số phiếu phát ra là: 118 phiếu, đại diện cho 1.163.035.614 cổ phần, chiếm tỷ lệ 94,6% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.
- Tổng số phiếu thu về là: 90 phiếu, đại diện cho 1.162.971.491 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,99% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.
- Số phiếu thu về hợp lệ là: 73 phiếu, đại diện cho 1.158.906.965 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội.
- Số phiếu thu về không hợp lệ là: 17 phiếu, đại diện cho 4.064.526 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,35% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội.

STT	Họ tên	Chức danh	Số phiếu bầu	Tỷ lệ %
1	Bà Lê Hồng Anh	Thành viên HĐQT	1.080.406.139	92,90%
2	Ông Đào Phong Trúc Đại	Thành viên HĐQT độc lập	950.035.430	81,69%
3	Ông Võ Quang Hiến	Thành viên HĐQT	2.539.065.017	218,31%
4	Ông Nguyễn Hiếu	Thành viên HĐQT	1.391.404.537	119,64%
5	Ông Nguyễn Thanh Hùng	Thành viên HĐQT	715.317.761	61,50%
6	Bà Đỗ Hà Phương	Thành viên HĐQT	713.197.469	61,32%
7	Bà Lương Thị Cẩm Tú	Thành viên HĐQT	722.898.069	62,16%

26.2. Kết quả kiểm phiếu bầu cử thành viên BKS Eximbank nhiệm kỳ VII (2020 - 2025) (Phiếu số 7):

- Tổng số phiếu phát ra là: 118 phiếu, đại diện cho 1.163.035.614 cổ phần, chiếm tỷ lệ 94,6% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.
- Tổng số phiếu thu về là: 88 phiếu, đại diện cho 1.162.971.461 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,99% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.
- Số phiếu thu về hợp lệ là: 72 phiếu, đại diện cho 1.158.912.409 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội.

- Số phiếu thu về không hợp lệ là: 16 phiếu, đại diện cho 4.059.052 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,35% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự Đại hội.

STT	Họ tên	Chức danh	Số phiếu bầu	Tỷ lệ %
1	Ông Trần Ngọc Dũng	Thành viên BKS chuyên trách	1.072.025.956	92,17%
2	Bà Phạm Thị Mai Phương	Thành viên BKS chuyên trách	1.576.947.978	135,59%
3	Bà Nguyễn Thị Hiền Ngọc	Thành viên BKS	56.085.125	4,82%
4	Ông Trịnh Bảo Quốc	Thành viên BKS	1.371.410.576	117,92%
5	Ông Ngo Tony	Thành viên BKS chuyên trách	1.718.075.285	147,72%

- Ông Trần Ngọc Dũng - Trưởng BKS: trình bày Tờ trình thông qua việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS Eximbank.
- Lúc 14 giờ 37 phút: Chủ tọa đoàn thông báo cổ đông có ý kiến đóng góp cho ĐHĐCĐ thì phát biểu trực tiếp hoặc ghi vào "Phiếu ghi ý kiến đóng góp". Các cổ đông không có ý kiến đóng góp.
- Chủ tọa đoàn phân công Ông Nguyễn Hướng Minh - Phó Tổng giám đốc, Trưởng Ban kiểm phiếu hướng dẫn lại cổ đông cách thức biểu quyết trước khi cổ đông tiến hành biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết số 4 thông qua các nội dung còn lại của Đại hội.
- Cổ đông tiến hành biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết số 4 từ 14 giờ 50 phút đến 15 giờ 00 phút.
- Cổ đông giải lao và Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm Phiếu biểu quyết số 4.
- Lúc 15 giờ 43 phút, Ông Nguyễn Hướng Minh - Trưởng ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm Phiếu biểu quyết thông qua các Báo cáo và Tờ trình của Đại hội đối với các nội dung của chương trình họp Đại hội (Phiếu biểu quyết số 4).
 - Tổng số phiếu phát ra là: 118 phiếu, đại diện cho 1.163.035.614 cổ phần, chiếm tỷ lệ 94,6% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.
 - Tổng số phiếu thu về là: 77 phiếu, đại diện cho 1.162.660.125 cổ phần, chiếm tỷ lệ 99,97% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự Đại hội.

STT	NỘI DUNG BIỂU QUYẾT	ĐỒNG Ý	KHÔNG ĐỒNG Ý	KHÔNG CÓ Ý KIẾN	KHÔNG HỢP LỆ	KẾT QUẢ
		Số lượng cổ phần, Tỷ lệ %	Số lượng cổ phần, Tỷ lệ %	Số lượng cổ phần, Tỷ lệ %	Số lượng cổ phần, Tỷ lệ %	
						Thông qua/ Không thông qua

1.	Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (“HĐQT”), hoạt động của các Hội đồng, Ủy ban trực thuộc HĐQT năm 2018 và phương hướng hoạt động của HĐQT năm 2019; Báo cáo của thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của thành viên HĐQT độc lập, đánh giá hoạt động của HĐQT năm 2018.	527.915.807 45,39%	449.364.019 38,64%	185.380.299 15,94%	0 0,00%	Không thông qua
2.	Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT, hoạt động của các Hội đồng, Ủy ban trực thuộc HĐQT năm 2019 và phương hướng hoạt động HĐQT năm 2020; Báo cáo của thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của thành viên HĐQT độc lập, đánh giá hoạt động của HĐQT năm 2019.	527.923.364 45,39%	449.364.019 38,64%	185.372.742 15,94%	0 0,00%	Không thông qua
3.	Thông qua Báo cáo của Ban điều hành về hoạt động kinh doanh năm 2018 và kế hoạch năm 2019.	527.937.637 45,39%	449.354.044 38,64%	185.368.444 15,94%	0 0,00%	Không thông qua
4.	Thông qua Báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động năm 2019 và kế hoạch kinh doanh năm 2020.	527.937.637 45,39%	449.354.044 38,64%	185.368.444 15,94%	0 0,00%	Không thông qua
5.	Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát (“BKS”) về hoạt động năm 2018 và định hướng năm 2019.	527.896.186 45,39%	449.354.044 38,64%	185.409.895 15,94%	0 0,00%	Không thông qua
6.	Thông qua Báo cáo của BKS về hoạt động của BKS năm 2019 và nhiệm kỳ 2015-2020, định hướng hoạt động năm 2020.	527.897.552 45,39%	449.354.044 38,64%	185.408.529 15,94%	0 0,00%	Không thông qua
7.	Thông qua Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính năm 2018.	527.911.146 45,39%	449.354.044 38,64%	185.374.108 15,94%	20.827 0,00%	Không thông qua
8.	Thông qua Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính năm 2019.	527.971.874 45,40%	449.354.044 38,64%	185.334.207 15,94%	0 0,00%	Không thông qua

9.	Thông qua Tờ trình Báo cáo kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2018.	527.871.061 45,39%	449.358.342 38,64%	185.430.722 15,94%	0 0,00%	Không thông qua
10.	Thông qua Tờ trình Báo cáo kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2019.	527.858.004 45,39%	449.354.044 38,64%	185.433.654 15,94%	14.423 0,00%	Không thông qua
11.	Thông qua Tờ trình tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động của HĐQT năm 2019.	522.202.224 44,90%	640.333.260 55,06%	44.383 0,00%	80.258 0,01%	Không thông qua
12.	Thông qua Tờ trình tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động của HĐQT năm 2020.	522.215.281 44,90%	640.333.260 55,06%	111.584 0,01%	0 0,00%	Không thông qua
13.	Thông qua Tờ trình kinh phí hoạt động và thù lao của BKS năm 2019.	522.225.256 44,90%	640.318.987 55,06%	115.882 0,01%	0 0,00%	Không thông qua
14.	Thông qua Tờ trình kinh phí hoạt động và thù lao của BKS năm 2020.	522.229.554 44,90%	640.318.987 55,06%	107.286 0,01%	4.298 0,00%	Không thông qua
15.	Thông qua Tờ trình về việc ủy quyền cho HĐQT cập nhật, bổ sung Quy chế tài chính của Eximbank.	977.271.042 84,03%	9.975 0,00%	185.340.573 15,94%	38.535 0,00%	Thông qua
16.	Thông qua Tờ trình về chấp thuận đầu tư dự án Trụ sở Eximbank tại số 7 Lê Thị Hồng Gấm, Quận 1, TPHCM.	4.552.568 0,39%	917.053.127 78,85%	241.054.430 20,73%	0 0,00%	Không thông qua
17.	Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 2 Điều lệ Eximbank.	644.879.193 55,45%	462.095.198 39,73%	55.685.734 4,79%	0 0,00%	Không thông qua
18.	Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều 33 Điều lệ Eximbank.	644.879.193 55,45%	462.095.198 39,73%	55.685.734 4,79%	0 0,00%	Không thông qua
19.	Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 35 Điều lệ Eximbank.	644.844.108 55,44%	462.095.198 39,73%	55.720.819 4,79%	0 0,00%	Không thông qua
20.	Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung các nội dung khác của Điều lệ Eximbank.	1.106.939.306 95,18%	0 0,00%	55.720.819 4,79%	0 0,00%	Thông qua
21.	Thông qua việc miễn nhiệm các thành viên HĐQT nhiệm kỳ VI (2015 – 2020) có liên quan theo Kiến nghị của các nhóm cổ đông	4.490.924 0,39%	467.696.697 40,21%	690.472.504 59,37%	0 0,00%	Không thông qua
22.	Thông qua Báo cáo	65.786.090	911.449.242	185.424.793	0	Không

	hoạt động của HĐQT, hoạt động của các Hội đồng, Ủy ban trực thuộc HĐQT năm 2020 và định hướng năm 2021.	5,66%	78,37%	15,94%	0,00%	thông qua
23.	Thông qua Báo cáo của BKS về hoạt động năm 2020 và định hướng năm 2021.	527.896.186 45,39%	449.354.044 38,64%	185.409.895 15,94%	0 0,00%	Không thông qua
24.	Thông qua Báo cáo của Ban điều hành về hoạt động kinh doanh năm 2020 và kế hoạch kinh doanh năm 2021.	65.836.073 5,66%	911.449.242 78,37%	185.374.810 15,94%	0 0,00%	Không thông qua
25.	Thông qua Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán.	527.935.423 45,39%	449.354.044 38,64%	185.370.658 15,94%	0 0,00%	Không thông qua
26.	Thông qua Tờ trình về kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2020.	522.304.647 44,91%	454.989.780 39,12%	185.365.698 15,94%	0 0,00%	Không thông qua
27.	Thông qua Tờ trình tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động của HĐQT năm 2021.	522.275.491 44,91%	640.318.987 55,06%	65.647 0,01%	0 0,00%	Không thông qua
28.	Thông qua Tờ trình về kinh phí hoạt động và thù lao của BKS năm 2021.	522.250.381 44,90%	640.318.987 55,06%	90.757 0,01%	0 0,00%	Không thông qua
29.	Thông qua Tờ trình về việc ban hành mới Quy chế quản trị nội bộ Eximbank.	1.162.570.828 99,96%	0 0,00%	89.297 0,01%	0 0,00%	Thông qua
30.	Thông qua Tờ trình về việc ban hành mới Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT Eximbank.	1.162.570.828 99,96%	0 0,00%	89.297 0,01%	0 0,00%	Thông qua
31.	Thông qua Tờ trình về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động BKS Eximbank.	1.162.580.803 99,96%	0 0,00%	79.322 0,01%	0 0,00%	Thông qua

33. Phát biểu của đại diện Ngân hàng Nhà nước:

Ông Nguyễn Duy Phương - Phó Cục Trưởng Cục Thanh tra giám sát Ngân hàng II, Cơ quan Thanh tra, giám sát Ngân hàng đã phát biểu ý kiến tại Đại hội với một số nội dung chính như sau:

Chúc mừng Eximbank đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 lần thứ hai. Sau khi ĐĐĐCĐ bầu được HĐQT, BKS nhiệm kỳ VII (2020 - 2025), Eximbank thực hiện bầu chức danh Chủ tịch HĐQT trong thời hạn theo luật định.

tổ chức triển khai hoạt động ngân hàng và đảm bảo quyền và lợi ích của cổ đông theo đúng quy định pháp luật.

34. Ông Yasuhiro Saitoh - Chủ tọa Đại hội, đại diện Eximbank tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước:

Ông Yasuhiro Saitoh cảm ơn ý kiến chỉ đạo của NHNN, các thành viên HĐQT nhiệm kỳ mới cũng tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ này và cũng đã biết được chỉ đạo của NHNN. Theo ông Saitoh được biết, cuộc họp đầu tiên của HĐQT nhiệm kỳ mới cũng sẽ được tiến hành ngay sau cuộc họp này để tiến hành bầu các chức danh trong HĐQT.

V. CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA:

1. Thông qua Tờ trình về việc uỷ quyền cho Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) cập nhật, bổ sung Quy chế tài chính của Eximbank.
2. Thông qua Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung các nội dung khác của Điều lệ Eximbank, cụ thể như sau:
 - 2.1. Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung khác của Điều lệ được liệt kê trong Bảng đề xuất các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ (đính kèm).
 - 2.2. Giao HĐQT thực hiện các nội dung sau:
 - i. Hoàn thiện Điều lệ mới theo các nội dung sửa đổi, bổ sung được ĐHĐCĐ thông qua và hướng dẫn của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu có).
 - ii. Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT về các nội dung liên quan đến Điều lệ (bao gồm các Điều, khoản có dẫn chiếu đến Điều lệ) và ban hành Quy chế mới để thực hiện.
 - iii. Gửi Điều lệ cho các Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo đúng quy định và thông báo cho cổ đông trên website của Ngân hàng.
3. Thông qua Tờ trình về việc ban hành mới Quy chế quản trị nội bộ:
 - 3.1. Thông qua việc ban hành mới Quy chế quản trị nội bộ Eximbank (đính kèm).
 - 3.2. Giao/phân quyền/ủy quyền toàn bộ cho Hội đồng quản trị tiến hành các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật, hoàn thiện chỉnh sửa toàn bộ nội dung Quy chế quản trị nội bộ nhằm phù hợp quy định pháp luật và hướng dẫn của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu cần thiết); thực hiện đăng ký/thông báo cho các Cơ quan quản lý Nhà nước và thông báo cho Cổ đông trên website của Eximbank.
4. Thông qua Tờ trình về việc ban hành mới Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT:
 - 4.1. Thông qua việc ban hành mới Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Eximbank (đính kèm).
 - 4.2. Giao/phân quyền/ủy quyền toàn bộ cho Hội đồng quản trị tiến hành các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật, hoàn thiện chỉnh sửa toàn bộ nội dung và ban hành mới Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị

Eximbank nhằm phù hợp quy định pháp luật và hướng dẫn của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu cần thiết).

5. Thông qua Tờ trình về việc ban hành mới Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát (“BKS”):
 - 5.1. Thông qua việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát (đính kèm).
 - 5.2. Giao/phân quyền/ủy quyền toàn bộ cho Ban kiểm soát tiến hành các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật, hoàn thiện/chỉnh sửa các nội dung có dẫn chiếu đến điều khoản tại Điều lệ đảm bảo phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ hiện hành.
6. Thông qua số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ VII (2020 - 2025) là 07 thành viên, trong đó có 01 thành viên HĐQT độc lập.
7. Thông qua số lượng thành viên BKS nhiệm kỳ VII (2020 - 2025) là 03 thành viên, trong đó phải có ít nhất một phần hai tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác.
8. Thông qua danh sách trúng cử thành viên HĐQT Eximbank nhiệm kỳ VII (2020-2025) tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 lần thứ hai gồm:

STT	Họ tên	Chức danh
1	Ông Võ Quang Hiển	Thành viên HĐQT
2	Ông Nguyễn Hiếu	Thành viên HĐQT
3	Bà Lê Hồng Anh	Thành viên HĐQT
4	Ông Đào Phong Trúc Đại	Thành viên HĐQT độc lập
5	Bà Lương Thị Cẩm Tú	Thành viên HĐQT
6	Ông Nguyễn Thanh Hùng	Thành viên HĐQT
7	Bà Đỗ Hà Phương	Thành viên HĐQT

9. Thông qua danh sách trúng cử thành viên Ban Kiểm soát Eximbank nhiệm kỳ VII (2020-2025) tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 lần thứ hai gồm:


STT	Họ tên	Chức danh
1	Ông Ngo Tony	Thành viên BKS
2	Bà Phạm Thị Mai Phương	Thành viên BKS
3	Ông Trịnh Bảo Quốc	Thành viên BKS

V. BẾ MẠC ĐẠI HỘI:







Ông Yasuhiro Saitoh - Chủ tịch HĐQT, Chủ tọa Đại hội phát biểu cảm ơn và tuyên bố bế mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 lần thứ hai lúc 16 giờ 30 phút cùng ngày.

Biên bản này được lập ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 lần thứ hai của Eximbank kết thúc chương trình Đại hội.

Biên bản này đã được đọc trước toàn thể Đại hội và được các cổ đông có mặt tại Đại hội đồng ý thông qua./.

(Phần ký xác nhận ở trang liền kế tiếp) 

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐOÀN**

STT	Họ và tên	Chữ ký
1	Yasuhiro Saitoh - Chủ tọa	
2	Trần Ngọc Dũng	
3	Trần Tấn Lộc	
TỔ THƯ KÝ		
1	Nguyễn Văn Thủy	
2	Trần Thị Kim Mai	
3	Bùi Thị Nguyệt Anh	



Tp.HCM., ngày 05 tháng 04 năm 2021

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN EXIMBANK NĂM 2020**TỜ TRÌNH****Về việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị cập nhật, bổ sung
Quy chế tài chính của Eximbank****Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG***Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 (“Luật Doanh nghiệp”);**Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng 2017 (“Luật Các TCTD”);**Căn cứ Nghị định 93/2017/NĐ-CP ngày 07/08/2017 về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước (“Nghị định 93”);**Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (“Điều lệ”).*

Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank) kính trình Đại hội đồng cổ đông nội dung như sau:

HĐQT đã ban hành Quyết định số 118/2013/EIB/QĐ-HĐQT ngày 18/4/2013 về Chế độ tài chính của Eximbank, căn cứ theo Nghị định số 57/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ (“Nghị định 57”) và Thông tư số 05/2013/TT-BTC ngày 09/01/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP (“Nghị định 93”), có hiệu lực thi hành từ ngày 25/9/2017 (thay thế cho Nghị định 57 nói trên), nhiều nội dung tại Chế độ tài chính của Eximbank hiện hành không còn phù hợp, cần phải được cập nhật, bổ sung cho phù hợp quy định hiện hành của pháp luật.

Cụ thể: Điều 28 Nghị định 93 quy định: “Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn về chế độ tài chính, tổ chức tín dụng (TCTD) xây dựng quy chế tài chính của mình trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) hoặc Hội đồng quản trị (trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền) phê duyệt để làm căn cứ thực hiện”.

Đề cập nhật, bổ sung Quy chế tài chính của Eximbank phù hợp quy định hiện hành của pháp luật, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua như sau:

Ủy quyền cho HĐQT cập nhật, bổ sung Quy chế tài chính của Eximbank phù hợp quy định hiện hành của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Yasuhiro Saitoh

TP.HCM, ngày 06 tháng 4 năm 2021

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN EXIMBANK NĂM 2021**TỜ TRÌNH****V/V THÔNG QUA VIỆC BAN HÀNH MỚI QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ EXIMBANK**Kính trình: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam ("*Eximbank*") kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ban hành mới Quy chế tổ chức và hoạt động Hội đồng quản trị ("*Quy chế HĐQT*") Eximbank hiện hành như sau:

I. LÝ DO CỦA VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG:

Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Eximbank hiện hành được Đại hội đồng cổ đông thường niên Eximbank năm 2018 thông qua và được xây dựng theo các căn cứ pháp lý sau đây:

- Luật Doanh nghiệp năm 2014;
- Luật Chứng khoán năm 2006 (sửa đổi năm 2010);
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng; và
- Các văn bản khác có liên quan,

Hiện tại, hầu hết các văn bản nêu trên đã hết hiệu lực, được thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung, cụ thể: Luật Doanh nghiệp năm 2014 đã được thay thế bằng Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2006 đã được thay thế bằng Luật Chứng khoán năm 2019, Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng đã được thay thế bằng Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Đồng thời, Bộ Tài chính đã ban hành mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

Tại Điều 5 Thông tư 116/2020/TT-BTC Quy định: "*Công ty đại chúng tham chiếu mẫu Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này để xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Điều lệ công ty và quy định khác của pháp luật có liên quan*".

Vi vậy, để đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, Eximbank cần ban hành mới Quy chế tổ chức và hoạt động Hội đồng quản trị và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

II. KIẾN NGHỊ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG:

Từ các nội dung trên trên và căn cứ thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông về việc phê chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của HĐQT (được quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 59 Luật Các TCTD), Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận:

1. Thông qua việc ban hành mới Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Eximbank.

(Dự thảo Quy chế - đính kèm).

2. Giao/phân quyền/ủy quyền toàn bộ cho Hội đồng quản trị tiến hành các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật, hoàn thiện chỉnh sửa toàn bộ nội dung và ban hành mới Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Eximbank nhằm phù hợp quy định pháp luật và hướng dẫn của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu cần thiết).

Kính trình./sc

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Yasuhiro Saitoh

TP. HCM, ngày 06 tháng 4 năm 2021

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN EXIMBANK NĂM 2021**TỜ TRÌNH**
V/v THÔNG QUA VIỆC BAN HÀNH MỚI QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ
EXIMBANK**Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (“*Eximbank*”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“*DHĐCD*”) thông qua việc ban hành mới Quy chế quản trị nội bộ Eximbank (“*Quy chế*”) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI BAN HÀNH QUY CHẾ:

Quy chế quản trị nội bộ Eximbank được Hội đồng quản trị xây dựng và ban hành kèm theo Nghị quyết số 329/2018/EIB/NQ-HĐQT ngày 19/6/2018.

Nội dung Quy chế được xây dựng căn cứ các văn bản sau đây:

- Luật Doanh nghiệp năm 2014;
- Luật Chứng khoán năm 2006 (sửa đổi năm 2010);
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng; và
- Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng đã được ban hành kèm theo Thông tư 95/2017/TT-BTC.

Hiện tại, hầu hết các văn bản nêu trên đã hết hiệu lực, được thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung, cụ thể: Luật Doanh nghiệp năm 2014 đã được thay thế bằng Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2006 đã được thay thế bằng Luật Chứng khoán năm 2019, Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng đã được thay thế bằng Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng đã được ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

Khoản 2 Điều 270 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định: “Quy chế nội bộ về quản trị công ty được Hội đồng quản trị xây dựng, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua”.

Vì vậy, để đảm bảo tính liên tục và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, Eximbank cần ban hành mới Quy chế quản trị nội bộ và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

II. KIẾN NGHỊ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG:

Từ các nội dung trên, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Thông qua việc ban hành mới Quy chế quản trị nội bộ Eximbank.

(Dự thảo Quy chế - đính kèm).

2. Giao/phân quyền/ủy quyền toàn bộ cho Hội đồng quản trị tiến hành các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật, hoàn thiện chỉnh sửa toàn bộ nội dung Quy chế quản trị nội bộ nhằm phù hợp quy định pháp luật và hướng dẫn của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (nếu cần thiết); thực hiện đăng ký/thông báo cho các Cơ quan quản lý Nhà nước và thông báo cho Cổ đông trên website của Eximbank.

Kính trình./

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Yasuhiro Saitoh

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN EXIMBANK NĂM 2021

TỜ TRÌNH

V/v ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Ban Kiểm soát Eximbank

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Eximbank được xây dựng dựa trên các quy định: Luật các Tổ chức tín dụng, Luật doanh nghiệp, Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017. Đến nay, một số quy định pháp luật tác động trực tiếp đến tổ chức, hoạt động của Ban kiểm soát đã có sự thay đổi, cụ thể:

- Luật doanh nghiệp 2014 đã bị thay thế bằng Luật doanh nghiệp 2020;

- Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ban hành ngày 06/06/2017 Hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng đã bị thay thế bằng NĐ 155/2020/NĐ-CP ban hành ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán, hiệu lực từ 01/01/2021;

- Thông tư số 13/2018/TT-NHNN được ban hành ngày 18/05/2018, hiệu lực từ 01/01/2019, đưa ra nhiều quy định mới liên quan đến hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ của ngân hàng thương mại và chức năng, nhiệm vụ giám sát của HĐQT, Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát.

- Thông tư 116/2020/TT-BTC được ban hành ngày 31/12/2020, hiệu lực từ 01/01/2021, hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại NĐ số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật chứng khoán;

Những thay đổi này dẫn đến nhiều nội dung trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát hiện hành đã không còn phù hợp. Vì vậy, cần thiết ban hành mới Quy chế tổ chức và hoạt động Ban Kiểm soát thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động BKS hiện tại nhằm đảm bảo cập nhật đầy đủ nội dung các quy phạm pháp luật hiện hành và phù hợp với hoạt động thực tiễn của Ban kiểm soát.

Từ các nội dung trên, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Thông qua việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát theo dự thảo đính kèm.
2. Giao/phân quyền/ủy quyền toàn bộ cho Ban kiểm soát tiến hành các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật, hoàn thiện/chỉnh sửa các nội dung có

dẫn chiếu đến điều khoản tại Điều lệ đảm bảo phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ hiện hành.

Trân trọng.



TP.HCM., ngày 05 tháng 04 năm 2021

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN EXIMBANK NĂM 2020**TỜ TRÌNH**

V/v sửa đổi, bổ sung các nội dung khác của Điều lệ Eximbank

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNGCăn cứ Luật Doanh nghiệp 2020 ("*Luật Doanh nghiệp*");Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng 2017 ("*Luật Các TCTD*");Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán ("*Nghị định 155*");Căn cứ Văn bản số 3113/TTGSNH6 ngày 23/9/2017 của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc rà soát các quy định tại Điều lệ của Tổ chức tín dụng ("*Văn bản số 3113*");Căn cứ Văn bản số 1158/SGDHCM-NY ngày 28/8/2017 của Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM về việc lưu ý thực hiện các quy định về quản trị công ty ("*Văn bản số 1158*");Căn cứ Văn bản số 1151/SGDHCM-NY ngày 04/09/2018 của Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM ("*Văn bản số 1151*");Căn cứ Văn bản số 574/SGDHCM-NY ngày 10/4/2019 của Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM ("*Văn bản số 574*");Căn cứ Văn bản số 1760/SGDHCM-NY ngày 04/10/2019 của Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM ("*Văn bản số 1760*");Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam ("*Điều lệ*");Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam ("*Eximbank*") kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Eximbank hiện hành như sau:**I. CƠ SỞ CỦA VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG:**

Điều lệ hiện nay của Eximbank được Đại hội đồng cổ đông thông qua từ năm 2012.

Hiện tại, hầu hết các căn cứ xây dựng Điều lệ này đã hết hiệu lực, được thay thế hoặc sửa đổi, bổ sung. Do đó, các nội dung của Điều lệ đã không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

Thực hiện chỉ đạo của Cơ quan Thanh tra, giám sát Ngân hàng tại văn bản số 3113 ngày 20 tháng 9 năm 2017 và ý kiến của Sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM tại Văn bản ✓

số 1158, Văn bản số 1151, Văn bản số 574 và Văn bản số 1760, HĐQT đã rà soát tổng thể các nội dung khác của Điều lệ và có Bảng đề xuất các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Eximbank.

Hiện nay, hầu hết các Ngân hàng thương mại đều đã tiến hành sửa đổi Điều lệ để phù hợp với tinh thần của Luật Doanh nghiệp.

Vi vậy, để đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Eximbank là cần thiết.

II. KIẾN NGHỊ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG:

Căn cứ thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ (được quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 59 Luật Các TCTD), Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận:

1. Thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung khác của Điều lệ được liệt kê trong Bảng đề xuất các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ - *đính kèm*.

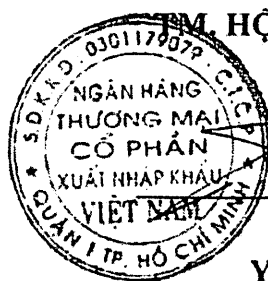
2. Giao Hội đồng quản trị thực hiện các nội dung sau:

2.1 Hoàn thiện Điều lệ mới theo các nội dung sửa đổi, bổ sung được Đại hội đồng cổ đông thông qua và hướng dẫn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có);

2.2 Sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ và Quy chế tổ chức và hoạt động Hội đồng quản trị về các nội dung có liên quan đến Điều lệ (bao gồm các Điều, khoản có dẫn chiếu đến Điều lệ) và ban hành Quy chế mới để thực hiện.

2.3 Gửi Điều lệ cho các Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo đúng quy định và thông báo cho cổ đông trên website của Ngân hàng.

Kính trình./



Yasuhiro Saitoh

BẢNG ĐỀ XUẤT CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CỦA ĐIỀU LỆ EXIMBANK

I. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ VÀ TỪ VIẾT TẮT

1. **Luật DN** nghĩa là Luật DN số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020;
2. **Luật TCTD** nghĩa là Luật Tổ chức Tín dụng 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD số 17/2017/QH14 ngày 20/11/2017;
4. **Nghị định 155** nghĩa là Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
5. **Nghị định 93** nghĩa là Nghị định số 93/2017/NĐ-CP về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại TCTD do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước ngày 07/8/2017;
6. **Thông tư 116** nghĩa là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155;
7. **Điều lệ mẫu** nghĩa là Bản Điều lệ mẫu áp dụng cho công ty đại chúng được ban hành kèm theo Thông tư 116.

Lưu ý: Tại Bảng thống kê này, các nội dung Điều lệ được sửa đổi, bổ sung so với Điều lệ hiện hành là các nội dung được *IN NGHIÊN* tại cột “Đề xuất sửa đổi” và có dẫn chiếu về cột “Điều lệ hiện tại” trong bảng dưới đây.

II. NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI ĐIỀU LỆ:

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
PHẦN MỞ ĐẦU	<i>Căn cứ:</i> Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2010;	<i>Căn cứ:</i> Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16 tháng	Cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan làm căn cứ để sửa đổi, bổ sung Điều lệ.

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	<p>Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;</p> <p>Nghị định số 59/2009/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của ngân hàng thương mại;</p> <p>Nghị định số 102/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2010 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>Thông tư số 06/2010/TT-NHNN ngày 26 tháng 02 năm 2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về tổ chức, quản trị, điều hành, vốn điều lệ, chuyển nhượng cổ phần, bổ sung, sửa đổi Giấy phép, Điều lệ của ngân hàng thương mại;</p> <p>Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Giao dịch Chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 15/2007/QĐ-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính,</p>	<p>6 năm 2010;</p> <p><i>Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2017;</i></p> <p><i>Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;</i></p> <p><i>Các văn bản pháp luật khác có liên quan.</i></p>	

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
<p>Sửa đổi Điều 1</p> <p>Sửa đổi điểm a, b, h, k, p, t, x, aa khoản 1</p> <p>Bổ sung hai định nghĩa về “Ủy ban” và “Người phụ trách quản trị Công ty” vào khoản 1</p>	<p>Điều 1. Định nghĩa:</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a) “<i>Luật Doanh nghiệp</i>” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005.</p> <p>b) “<i>Luật Các tổ chức tín dụng</i>” có nghĩa là Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16/6/2010.</p>	<p>Điều 1. Định nghĩa</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a) “<i>Luật Doanh nghiệp</i>” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020.</p> <p>b) “<i>Luật Các tổ chức tín dụng</i>” có nghĩa là Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16/6/2010 và <i>Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 20/11/2017.</i></p>	<p>Cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan làm căn cứ để sửa đổi, bổ sung Điều lệ</p>
	<p>h) “<i>Người điều hành của Ngân hàng</i>” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Sở giao dịch, Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương.</p>	<p>h) “<i>Người điều hành của Ngân hàng</i>” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương.</p>	<p>Bỏ chức danh “Giám đốc Sở giao dịch”</p>
	<p>k) “<i>Người có liên quan của Ngân hàng</i>” là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Ngân hàng nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>(i) Ngân hàng với công ty con của Ngân hàng và ngược lại; các công ty con của Ngân hàng với nhau; người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của</p>	<p>k) “<i>Người có liên quan</i>” là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với cá nhân, tổ chức khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>(i) Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của tổ chức</p>	<p>Cụm “Người có liên quan” không chi đề cập đến người có liên quan của Ngân hàng mà còn của các tổ chức, cá nhân (cổ</p>

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	<p>Ngân hàng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con của Ngân hàng và ngược lại;</p> <p>(ii) Ngân hàng với người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc với người, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này và ngược lại;</p> <p>(iii) Ngân hàng với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng và ngược lại;</p> <p>(iv) Ngân hàng với vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng và ngược lại;</p> <p>(v) Ngân hàng với các cá nhân, tổ chức đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng và ngược lại. Ngân hàng với tổ chức, cá nhân ủy quyền cho Ngân hàng đại diện và ngược lại.</p>	<p><i>tin dụng và ngược lại; các công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tin dụng với nhau; người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tin dụng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;</i></p> <p>(ii) <i>Công ty hoặc tổ chức tin dụng với người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của công ty hoặc tổ chức tin dụng đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;</i></p> <p>(iii) <i>Công ty hoặc tổ chức tin dụng với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc tổ chức tin dụng đó và ngược lại;</i></p> <p>(iv) <i>Cá nhân với vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người này;</i></p> <p>(v) <i>Công ty hoặc tổ chức tin dụng với cá nhân theo quy định tại tiết (iv) điểm này của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc tổ chức tin dụng đó và ngược lại;</i></p> <p>(vi) <i>Cá nhân được ủy quyền đại diện cho tổ chức, cá nhân quy định tại các tiết (i), (ii), (iii),</i></p>	<p>đồng, người điều hành, người quản lý..). Do đó đề xuất sửa theo quy định của Luật TCTD (bao gồm cả sửa đổi).</p>

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
		<p>(iv) và (v) điểm này với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau:</p> <p>(vii) Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của Ngân hàng được xác định theo quy định nội bộ của Ngân hàng hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước thông qua hoạt động thanh tra, giám sát đối với từng trường hợp cụ thể.</p>	
	<p>p) “Cổ phiếu” là chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ của Ngân hàng phát hành, xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Ngân hàng. Cổ phiếu của Ngân hàng có thể là cổ phiếu ghi tên hoặc cổ phiếu vô danh theo quy định của Điều lệ này</p>	<p>p) “Cổ phiếu” là chứng chỉ do Ngân hàng phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Ngân hàng.</p>	<p>Định nghĩa của “Cổ phiếu” được sửa theo Điều 121.1 của Luật DN</p>
	<p>t) “Cổ tức” là khoản được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Ngân hàng sau khi đã thực hiện (các) nghĩa vụ về tài chính.</p>	<p>t) “Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác</p>	<p>Định nghĩa của “Cổ phiếu” được sửa theo Điều 4.5 của Luật DN</p>
	<p>x) “Đơn vị trực thuộc” là các đơn vị hạch toán phụ thuộc Ngân hàng, bao gồm sở giao dịch chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.</p>	<p>x) “Đơn vị trực thuộc” là các đơn vị hạch toán phụ thuộc Ngân hàng, bao gồm chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.</p>	<p>Bỏ cụm từ “Sở giao dịch”</p>
	<p>aa) “Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng” là người được Ngân hàng ủy quyền bằng văn bản thực hiện các quyền của mình tại các công ty con, công ty</p>	<p>aa) “Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng” là người được Ngân hàng ủy quyền bằng văn bản thực hiện các quyền và nghĩa vụ của</p>	<p>Thay cụm từ “mình tại các công ty con, công ty liên kết theo”</p>

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	liên kết theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật.	<i>Ngân hàng phù hợp</i> quy định tại Điều lệ này và pháp luật.	bảng cụm từ “ <i>Ngân hàng phù hợp</i> ” Bỏ sum cụm từ “ <i>nghĩa vụ</i> ” theo Điều 14 Luật DN
	Không quy định	dd) “ <i>Ủy ban (và Hội đồng)</i> ” là cơ quan giúp việc do Hội đồng quản trị thành lập nhằm thực hiện chức năng tư vấn, tham mưu, giúp việc cho Hội đồng Quản trị trong công tác quản trị toàn diện hoạt động của Ngân hàng. ee) “ <i>Người phụ trách quản trị Công ty</i> ” là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều ... của Điều lệ này.	Bổ sung hai định nghĩa này để phù hợp với việc bổ sung hai Điều khoản về Ủy ban (và Hội đồng) và Người phụ trách quản trị Công ty
Sửa đổi khoản 3, khoản 6 Điều 2	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở chính, đại diện theo pháp luật, mạng lưới hoạt động và thời hạn hoạt động của Ngân hàng 3. Trụ sở đăng ký của Ngân hàng là: - Địa chỉ: Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16, Tòa nhà Vincom Center, số 72 Lê Thánh Tôn và 47 Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh 6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 89 và Điều 90 hoặc chuyển đổi hoạt động theo Điều 88 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 50 (năm mươi) năm kể từ ngày thành lập.	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở chính, đại diện theo pháp luật, mạng lưới hoạt động và thời hạn hoạt động của Ngân hàng 3. Trụ sở đăng ký của Ngân hàng là: - Địa chỉ: Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16, Tòa nhà Vincom Center, số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. 6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn hoặc chuyển đổi hoạt động theo quy định tại Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Ngân hàng được ghi trong Giấy phép tối đa không quá 99 năm.	Cập nhật địa chỉ chính xác của Eximbank cho phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký lần thứ 27 ngày 10/9/2018 Điều 22 Thông tư số 40/2011/TT-NHNN và các Thông tư sửa

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
			đổi bổ sung Thông tư số 40/2011/TT-NHNN
Sửa đổi phạm vi hoạt động của Ngân hàng tại khoản 3 Điều 6	<p>Điều 6. Hoạt động góp vốn, mua cổ phần</p> <p>3. Ngân hàng được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý tài sản bảo đảm, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.</p>	<p>Điều 6. Hoạt động góp vốn, mua cổ phần</p> <p>3. Ngân hàng được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực <i>quản lý nợ và khai thác tài sản</i>, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.</p>	Sửa đổi cho phù hợp với Điều 1.18 Luật sửa đổi Luật TCTD
Sửa đổi Điều 10 về việc áp dụng điều ước quốc tế và tập quán quốc tế	<p>Điều 10. Áp dụng điều ước quốc tế và tập quán quốc tế trong hoạt động ngân hàng</p> <p>1. Ngân hàng áp dụng điều ước quốc tế liên quan đến hoạt động ngân hàng mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.</p> <p>2. Ngân hàng có thể thỏa thuận với khách hàng áp dụng tập quán quốc tế có liên quan đến hoạt động ngân hàng, nếu tập quán đó không trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.</p>	<p>Điều 10. Áp dụng điều ước quốc tế và tập quán quốc tế trong hoạt động ngân hàng</p> <p>1. Ngân hàng áp dụng điều ước quốc tế liên quan đến hoạt động ngân hàng mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia <i>phù hợp với quy định của pháp luật</i>.</p> <p>2. Ngân hàng có thể thỏa thuận với khách hàng áp dụng tập quán <i>thương mại, kể cả tập quán thương mại quốc tế do Phòng Thương mại quốc tế ban hành hoặc tập quán thương mại khác nếu tập quán đó không trái với pháp luật</i>.</p>	Sửa đổi cho phù hợp với Điều 3 Luật TCTD
Sửa đổi điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 13	<p>Điều 13. Thay đổi vốn điều lệ</p> <p>2. Các hình thức giảm vốn điều lệ của Ngân hàng:</p> <p>b) Ngân hàng thu hồi và hủy bỏ số lượng cổ phiếu quỹ có mệnh giá tương ứng với số vốn dự kiến được</p>	<p>Điều 13. Thay đổi vốn điều lệ</p> <p>2. Các hình thức giảm vốn điều lệ của Ngân hàng:</p> <p>b) Ngân hàng thu hồi và hủy bỏ <i>một số cổ phiếu của các cổ đông với tổng</i> mệnh giá tương ứng với</p>	Điểm b khoản 2: viết lại cho rõ ràng.

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	<p>điều chỉnh giảm:</p> <p>5. Sau khi đã thay đổi vốn điều lệ theo văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng phải đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vốn điều lệ mới và gửi văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận số vốn điều lệ đã được đăng ký (bản sao có xác nhận của Công chứng Nhà nước) cho Ngân hàng Nhà nước, đồng thời phải đăng báo trung ương, địa phương theo quy định của pháp luật về số vốn điều lệ mới.</p>	<p>số vốn dự kiến được điều chỉnh giảm;</p> <p><i>5. Sau khi hoàn tất việc thay đổi mức vốn điều lệ, Ngân hàng có trách nhiệm thực hiện các thủ tục có liên quan theo quy định của pháp luật.</i></p>	
<p>Sửa đổi Điều 15 Về Chào bán cổ phần</p>	<p>Điều 15. Chào bán cổ phần</p> <p>1. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:</p> <p>a) Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Ngân hàng;</p> <p>b) Cổ phần chào bán cho người lao động, quản lý, điều hành của Ngân hàng hoặc đối tượng khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện trên 51% (năm mươi một phần trăm)</p>	<p>Điều 15. Chào bán cổ phần</p> <p><i>1. Chào bán cổ phần là việc Ngân hàng tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng vốn điều lệ.</i></p> <p><i>2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo các hình thức sau đây:</i></p> <p><i>a) Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu;</i></p> <p><i>b) Chào bán cổ phần riêng lẻ;</i></p> <p><i>c) Chào bán cổ phần ra công chúng.</i></p> <p><i>3. Việc chào bán cổ phần của Ngân hàng được thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan.</i></p> <p><i>4. Ngân hàng thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành</i></p>	<p>Sửa đổi theo Điều 123 của Luật DN, theo hướng chi nêu các hình thức chào bán cổ phần, chi tiết và thủ tục chào bán sẽ thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan (cụ thể: Luật doanh nghiệp, luật chứng khoán và các văn bản khác có liên quan).</p>

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	<p>tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp Ngân hàng phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Ngân hàng thì phải thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>a) Ngân hàng phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú (hoặc địa chỉ đăng ký với Ngân hàng) của họ. Thông báo phải được đăng báo trong ba số liên tiếp trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông báo;</p> <p>b) Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua cổ phần do Ngân hàng phát hành;</p> <p>c) Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác;</p> <p>d) Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi</p>	<p><i>đợt bán cổ phần.</i></p>	

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	<p>về Ngân hàng đúng hạn như đã thông báo thì cổ đông có liên quan coi như không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của Ngân hàng hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại Điều lệ này được ghi đúng, ghi đủ vào Sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Ngân hàng.</p> <p>4. Sau khi cổ phần được bán, Ngân hàng phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Ngân hàng có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trong trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại Điều lệ này được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông là đủ để chứng minh quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Ngân hàng.</p>		

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
Sửa đổi đoạn 2 khoản 1.c) Điều 16	<p>Điều 16. Mua lại cổ phần</p> <p>1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Ngân hàng:</p> <p>c)... Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Ngân hàng trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Ngân hàng chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.</p>	<p>Điều 16. Mua lại cổ phần</p> <p>1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của Ngân hàng:</p> <p>c)... Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức đề bảo đảm đến được Ngân hàng trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Ngân hàng chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nêu trên.</p>	Sửa đổi cho phù hợp với Điều 132, 133 Luật DN
Xóa dẫn chiếu “ngày làm việc” ở khoản 2.a) Điều 16	Yêu cầu phải được gửi đến Ngân hàng trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc.	Yêu cầu phải được gửi đến Ngân hàng trong thời hạn 10 (mười) ngày.	
Xóa quy định “cổ đông có thể bán cổ phần cho người khác” tại khoản 2.b) Điều 16	Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu...	Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu...	
Sửa đổi khoản 3.a), 3.b) Điều 16	a) Ngân hàng chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông quy định tại khoản 1 và 2 Điều này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Ngân hàng vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác, bảo đảm	a) Ngân hàng chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông quy định tại khoản 1 và 2 Điều này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Ngân hàng vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài	Sửa đổi theo Điều 57 của Luật TCTD, Điều 134 Luật DN

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	<p>các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, vốn điều lệ không được thấp hơn mức vốn pháp định và các điều kiện liên quan khác do Ngân hàng Nhà nước quy định. Việc Ngân hàng mua lại cổ phần của chính mình phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện nếu dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Ngân hàng;</p> <p>b) Cổ phần được mua lại theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều này được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán;</p>	<p>sản khác, bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, <i>giá trị thực của</i> vốn điều lệ không được thấp hơn mức vốn pháp định và các điều kiện liên quan khác do Ngân hàng Nhà nước quy định. Việc Ngân hàng mua lại cổ phần của chính mình <i>dẫn đến việc giảm vốn điều lệ</i> của Ngân hàng phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện;</p> <p>b) Cổ phần được mua lại theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều này được coi là <i>cổ phần chưa bán. Ngân hàng phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được Ngân hàng mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác;</i></p>	
<p>Sửa đổi khoản 3, khoản 4, khoản 5.c) Điều 18</p>	<p>Điều 18. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.</p> <p>3. Các trường hợp chuyển nhượng cổ phần sau đây phải được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi chuyển nhượng:</p> <p>a) Chuyển nhượng cổ phần của cổ đông lớn;</p> <p>b) Chuyển nhượng cổ phần dẫn đến cổ đông lớn trở thành cổ đông thường và ngược lại.</p>	<p>Điều 18. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>2.Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và <i>hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.</i></p> <p>3. Các trường hợp chuyển nhượng cổ phần sau đây phải được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi chuyển nhượng:</p>	<p>Sửa theo khoản 2 Điều 9 của Điều lệ mẫu</p> <p>Sửa theo Điều 1.4 Luật TCTD sửa đổi</p>

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
		a) <i>Mua bán</i> , chuyển nhượng cổ phần của cổ đông lớn; b) <i>Mua bán</i> , chuyển nhượng cổ phần dẫn đến cổ đông lớn trở thành cổ đông thường và ngược lại.	
	4. Việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông cá nhân, cổ đông tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc trong thời gian đảm nhiệm chức vụ được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.	4. <i>Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức</i> có người đại diện là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.	Sửa lại cách diễn đạt cho phù hợp với Điều 56.1 Luật TCTD
	5...c) Chuyển nhượng cổ phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện việc sáp nhập, hợp nhất bắt buộc đối với tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt.	5...c) Chuyển nhượng cổ phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện <i>phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt</i> .	Sửa theo Điều 56.2.c của Luật TCTD
Sửa đổi khoản 4 Điều 20	Điều 20. Giới hạn sở hữu cổ phần 4. Cổ đông và những người có liên quan của cổ đông đó được sở hữu tối đa 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng.	Điều 20. Giới hạn sở hữu cổ phần 4. Cổ đông và những người có liên quan của cổ đông đó được sở hữu tối đa 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng, trừ trường hợp khác theo quy định của pháp luật. <i>Cổ đông lớn của Ngân hàng và Người có liên quan của Cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 5% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng khác.</i>	Sửa theo Điều 55.3 Luật TCTD
Sửa đổi khoản 1.d), khoản 2, Bổ sung khoản 3 vào Điều 21	Điều 21. Sổ đăng ký cổ đông 1. ...d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ	Điều 21. Sổ đăng ký cổ đông 1. ...d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý	Sửa đổi theo Điều 122 của Luật DN

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	<p>thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức;</p> <p>2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Ngân hàng hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.</p> <p>Cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) trở lên tổng số cổ phần của Ngân hàng có trách nhiệm đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có được tỷ lệ sở hữu đó theo quy định của pháp luật.</p>	<p>của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;</p> <p>2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng hoặc <i>Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Ngân hàng trong sổ đăng ký cổ đông.</i></p> <p>3. <i>Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Ngân hàng để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Ngân hàng không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông</i></p>	<p>Sửa đổi theo Điều 122 của Luật DN.</p> <p>Chỉnh lại tên chính xác của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và bỏ quy định đăng ký khi có cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần do quy định này không còn hiệu lực</p>
Sửa đổi Điều 22	<p>Điều 22. Cổ phiếu</p> <p>1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Ngân hàng phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Ngân hàng.</p> <p>2. Cổ phiếu của Ngân hàng phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng;</p> <p>b) Số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;</p>	<p>Điều 22. Cổ phiếu</p> <p>1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Ngân hàng phát hành, <i>bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Ngân hàng.</i></p> <p>2. Cổ phiếu của Ngân hàng phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, <i>mã số doanh nghiệp</i>, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng;</p> <p>b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;</p>	<p>Sửa theo Điều 121 của Luật DN</p> <p>Sửa đổi khoản 1, 2 của Điều 22 theo hướng chỉnh sửa một số quy định cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và thêm vào khoản 3 và 4 liên quan đến việc sai sót và cấp lại</p>

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	<p>c) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;</p> <p>d) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;</p> <p>d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức đối với cổ phiếu có ghi tên;</p> <p>e) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;</p> <p>g) Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của Ngân hàng;</p> <p>h) Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng và ngày phát hành cổ phiếu;</p> <p>i) Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.</p> <p>3. Cổ phiếu của Ngân hàng không được sử dụng để cầm cố tại Ngân hàng.</p>	<p>c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;</p> <p>d) <i>Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;</i></p> <p>d) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Ngân hàng;</p> <p>đ) Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của Ngân hàng và ngày phát hành cổ phiếu;</p> <p>e) Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, 117 và 118 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.</p> <p>3. <i>Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Ngân hàng phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu đó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.</i></p> <p>4. <i>Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được Ngân hàng cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</i></p>	<p>cổ phiếu</p>

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
		<p>a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</p> <p>b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p> <p>5. Cổ phiếu của Ngân hàng không được sử dụng để cầm cố tại Ngân hàng.</p>	
Sửa đổi Điều 23	<p>Điều 23. Phát hành trái phiếu</p> <p>Ngoài việc tuân thủ theo quy định tại Điều 88 của Luật Doanh nghiệp, việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác của Ngân hàng phải đảm bảo các quy định sau:</p> <p>1. Tuân thủ quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn tại các văn bản pháp luật có liên quan.</p> <p>2. Đối với trái phiếu chuyển đổi:</p> <p>a) Trái phiếu chuyển đổi là loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành;</p> <p>b) Việc Ngân hàng phát hành trái phiếu chuyển đổi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản;</p> <p>c) Ngân hàng quy định cụ thể về phương thức phát hành, thời điểm phát hành, thời hạn chuyển đổi trái</p>	<p>Điều 23. Phát hành trái phiếu</p> <p>1. Ngân hàng có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>2. Việc phát hành thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan và Điều lệ này.</p>	<p>Sửa lại để phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p> <p>Bãi bỏ các nội dung không còn phù hợp được xây dựng theo Nghị định số 59/2009/NĐ-CP ngày 16/7/2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của ngân hàng thương mại.</p>

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	<p>phiếu, tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu, biên độ biến động giá cổ phiếu, mục đích sử dụng nguồn thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi, các quyền và nghĩa vụ của người sở hữu trái phiếu chuyển đổi theo quy định của pháp luật. Những thông tin này phải được công khai vào thời điểm phát hành trái phiếu chuyển đổi;</p> <p>d) Thủ tục, hồ sơ xin phát hành trái phiếu chuyển đổi được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định của pháp luật hiện hành khác có liên quan.</p>		
Sửa đổi Điều 24	<p>Điều 24. Cơ cấu tổ chức quản lý</p> <p>Cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Ban kiểm soát; 4. Tổng giám đốc; 5. Và bộ máy giúp việc 	<p>Điều 24. Cơ cấu tổ chức quản lý</p> <p>Cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đại hội đồng cổ đông. 2. Hội đồng quản trị. 3. Ban kiểm soát. 4. Tổng giám đốc. 	Sửa đổi để phù hợp với khoản 1 Điều 32 Luật TCTD
Sửa toàn bộ Điều 26 về Quyền của cổ đông	<p>Điều 26. Quyền của cổ đông</p> <p>1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Các quyền theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g khoản 1 Điều 79 Luật Doanh nghiệp; b) Được chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông khác của Ngân hàng, cho tổ chức, cá nhân khác hoặc bán 	<p>Điều 26. Quyền của cổ đông</p> <p>1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Pháp luật và/ hoặc Điều 	<p>Sửa theo hướng liệt kê toàn bộ quyền của Cổ đông để rõ ràng hơn và tiện tham chiếu Điều lệ.</p> <p>Sửa đổi theo Điều 115 của Luật DN,</p>

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	<p>lại cổ phần cho Ngân hàng theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan;</p> <p>c) Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền được ủy quyền lại bằng văn bản cho người khác nếu được cổ đông đồng ý; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình;</p> <p>d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10 % (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng, có các quyền theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 79 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>đ) Việc ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 79 Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan. Danh sách ứng cử viên phải được gửi tới Hội đồng quản trị theo thời hạn do Hội đồng quản trị quy định.</p> <p>2. Cổ đông ưu đãi biểu quyết có các quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Cổ đông ưu đãi cổ tức có các quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p><i>lệ này quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;</i></p> <p><i>b) Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</i></p> <p><i>c) Được ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông;</i></p> <p><i>d) Được chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông khác của Ngân hàng, cho tổ chức, cá nhân khác hoặc bán lại cổ phần cho Ngân hàng theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan;</i></p> <p><i>đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;</i></p> <p><i>e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</i></p> <p><i>g) Khi Ngân hàng giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu Cổ phần tại Ngân hàng;</i></p> <p><i>h) Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình</i></p>	<p>Điều 271 của Nghị định 155, Điều 12.2, Điều 25.2 và 25.3 của Điều lệ mẫu</p>

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
		<p>1) <i>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) trở lên tổng số Cổ phần phổ thông, có các quyền sau đây:</i></p> <p>(i) <i>Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</i></p> <p>(ii) <i>Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ đông, nghĩa vụ của Người quản lý của ngân hàng hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;</i> - <i>Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;</i> <p><i>Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Ngân hàng, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu</i></p>	

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
		<p>triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông phải sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng.</p> <p>(iii) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>m) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:</p> <p>(i) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Ngân hàng;</p> <p>(ii) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý</p>	

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
		<p><i>của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Ngân hàng; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</i></p> <p><i>(iii) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</i></p> <p><i>n) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</i></p> <p><i>o) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm l khoản 1 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người làm ứng cử viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả thành viên Hội đồng quản trị độc lập) và Ban kiểm soát, theo nguyên tắc:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <i>- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;</i> <i>- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;</i> 	

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
		<ul style="list-style-type: none"> - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám (08) ứng viên. <p>Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả thành viên Hội đồng quản trị độc lập) thông qua đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng và Quy chế tổ chức và hoạt động của</p>	

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
		<p><i>Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</i></p> <p><i>p) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</i></p> <p><i>2. Cổ đông ưu đãi biểu quyết có các quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật Doanh nghiệp.</i></p> <p><i>3. Cổ đông ưu đãi cổ tức có các quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 117 Luật Doanh nghiệp.</i></p>	
<p>Sửa đổi khoản 1, khoản 2 và bổ khoản 3 của Điều 27</p>	<p>Điều 27. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>1. Cổ đông của Ngân hàng phải thực hiện các nghĩa vụ:</p> <p>b) Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi Ngân hàng dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Ngân hàng, trừ trường hợp được Ngân hàng hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi giá trị cổ phần</p>	<p>Điều 27. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>1. Cổ đông của Ngân hàng phải thực hiện các nghĩa vụ sau:</p> <p>b) Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi Ngân hàng dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của Ngân hàng;</p> <p>c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua cổ phần tại Ngân hàng; <i>không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của Ngân hàng; không được mua cổ phần của Ngân hàng dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi</i></p>	<p>Sửa đổi các mục b), c), d) và bổ sung các mục đ), e), g) và h) cho phù hợp Điều 119 của Luật DN và Điều 54.1.c Luật TCTD</p>

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	<p>đã bị rút;</p> <p>c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn mua cổ phần tại Ngân hàng;</p> <p>d) Các nghĩa vụ khác theo quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều 80 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p><i>hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật:</i></p> <p><i>d) Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Ngân hàng;</i></p> <p><i>d) Chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.;</i></p> <p><i>e) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Ngân hàng dưới mọi hình thức để thực hiện hành vi vi phạm Pháp luật, tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</i></p> <p><i>g) Bảo mật các thông tin được Ngân hàng cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Ngân hàng cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</i></p> <p><i>h) Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.</i></p>	
	<p>2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư; nếu không cung cấp thông tin cho Ngân hàng, trong trường hợp Ngân hàng phát hiện ra chủ sở hữu thực sự, Ngân hàng có quyền đình chỉ các quyền cổ đông</p>	<p>2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp cho Ngân hàng thông tin về chủ sở hữu thực sự của số Cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư <i>trong Ngân hàng. Ngân hàng có quyền đình chỉ các quyền cổ đông của các Cổ đông này trong trường hợp phát hiện họ không</i></p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp với Điều 54.2 của Luật TCTD</p>

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	liên quan đến số cổ phần không công khai chủ sở hữu thực sự.	<i>cung cấp thông tin xác thực về chủ sở hữu thực sự các Cổ phần.</i>	
Sửa đổi khoản 2 Điều 28	<p>Điều 28. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của cổ đông;</p> <p>b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Ngân hàng;</p> <p>c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền;</p> <p>d) Số cổ phần được ủy quyền đại diện;</p> <p>d) Thời hạn đại diện theo ủy quyền;</p> <p>e) Họ tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền</p>	<p>Điều 28. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. <i>Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi đại diện. Trường hợp cổ đông Ngân hàng không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền. Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, phải thông báo cho Ngân hàng và chỉ có hiệu lực đối với Ngân hàng kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau:</i></p> <p><i>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp của cổ đông;</i></p> <p><i>b) Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần, phần vốn góp tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền;</i></p> <p><i>c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền;</i></p> <p><i>d) Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người</i></p>	Sửa đổi cho phù hợp với Điều 14 của Luật DN

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.	<p><i>đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;</i></p> <p><i>d) Họ tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.</i></p>	
<p>Sửa đổi một số mục về quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông tại khoản 1 Điều 29</p>	<p>Điều 29. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:</p> <p>c) Phê chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>e) Xem xét và xử lý vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng;</p> <p>h) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;</p> <p>o) Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm</p>	<p>Điều 29. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau đây:</p> <p>c) Phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; <i>Quy chế quản trị nội bộ</i>¹;</p> <p>e) Xem xét và xử lý <i>theo thẩm quyền</i> vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng;</p> <p>h) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và <i>số lượng</i> cổ phần <i>mới sẽ chào bán</i>;</p> <p>o) Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác và <i>phương án chuyển nhượng vốn đầu tư ra bên ngoài</i> có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp với Điều 59.2. e, h, q và r của Luật TCTD, Điều 270 của Nghị định 155 và Điều 33.3(b) của Nghị định 93</p>

¹ Điểm 1 khoản 2 Điều 138 LDN

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	toán gần nhất; r) Quyết định tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Ngân hàng;	lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; r) <i>Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng;</i>	
Sửa đổi khoản 2b), 2c) và 2d), khoản 3, 4, 5, 6 và bỏ khoản 8 của Điều 30 về các trường hợp triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 30. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông 2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: ... b) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc 1/2 (nửa) năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa; c) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ này; d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng yêu cầu triệu	Điều 30. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông 2. <i>Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</i> <i>b) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc 1/2 (nửa) năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa so với số đầu kỳ;</i> <i>c) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị độc lập, thành viên Ban Kiểm soát ít hơn số thành viên theo quy định của Pháp luật hoặc số thành viên của Hội đồng quản trị không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ;</i> d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản	Sửa đổi cho phù hợp với Điều 140.2 và 140.3 của Luật DN, Điều 14.3 của Điều lệ mẫu

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	<p>tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị...</p> <p>d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm c khoản 2 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm a, b, d và e khoản 2 Điều này.</p> <p>4. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật.</p> <p>5. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại điểm d khoản 1 Điều 26 Điều lệ này đã yêu cầu có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.</p> <p>6. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông là trên lãnh thổ</p>	<p>kiến nghị...</p> <p><i>d) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</i></p> <p><i>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm c khoản 2 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d, đ và e khoản 2 Điều này.</i></p> <p><i>Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Ngân hàng.</i></p> <p><i>4. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này và quy định</i></p>	

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	<p>Việt Nam.</p> <p>7. Tất cả chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều này sẽ do Ngân hàng hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p> <p>8. Trường hợp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không thực hiện được nhiệm vụ quy định tại các khoản 3 và 4 Điều này thì Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Ngân hàng.</p>	<p><i>của pháp luật.</i></p> <p><i>Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Ngân hàng.</i></p> <p><i>5. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 2 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết.</i></p> <p><i>6. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông là trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.</i></p> <p><i>7. Tất cả chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 3, 4 và 5 Điều này sẽ do Ngân hàng hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</i></p>	

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
<p>Sửa đổi toàn bộ khoản 1, 2, 3, 4 và bổ sung khoản 5 của Điều 31 liên quan đến người mời họp, chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 31. Thông báo mời họp, chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông tại Điều 30 Điều lệ này phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết; chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp và dự thảo quyết định đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p> <p>2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp phải lập xong chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc đại hội dự kiến. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.</p> <p>3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông gửi thông báo triệu tập họp cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Ngân hàng; tên, địa chỉ thường trú của</p>	<p>Điều 31. Thông báo mời họp, chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông tại Điều 30 Điều lệ này phải <i>thực hiện các công việc sau đây:</i></p> <p><i>a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;</i></p> <p><i>b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;</i></p> <p><i>c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;</i></p> <p><i>d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;</i></p> <p><i>đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</i></p> <p><i>e) Xác định thời gian và địa điểm họp;</i></p> <p><i>g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ;</i></p> <p><i>h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.</i></p> <p>2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp <i>Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên số đăng ký cổ đông của Ngân hàng.</i> Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông <i>được lập</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung để phù hợp Điều 140.5, 141.1, 143.1 của Luật DN và Điều 18.3 của Điều lệ mẫu</p>

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	<p>cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thời gian và địa điểm họp. Kèm theo thông báo mời họp phải có chương trình họp, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo quyết định đối với từng vấn đề trong chương trình họp, mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.</p> <p>4. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên website của Ngân hàng, 01 (một) tờ báo trung ương hoặc 01 (một) tờ báo địa phương nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Ngân hàng bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Ngân hàng, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Trường hợp Ngân hàng có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Ngân hàng đồng thời với việc gửi thông</p>	<p><i>không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.</i></p> <p>3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông gửi thông báo triệu tập họp cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). <i>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông (Email hoặc phương thức khác phù hợp, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Ngân hàng; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ</i></p>	

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	<p>báo cho các cổ đông.</p> <p>5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập ở điểm d khoản 1 Điều 26 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Ngân hàng ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 5 Điều này trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất trên 10% (mười phần trăm) trở lên cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng;</p> <p>c) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.</p>	<p>đồng, thời gian và địa điểm họp.</p> <p>4. <i>Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</i></p> <p>a. <i>Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</i></p> <p>b. <i>Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</i></p> <p>c. <i>Phiếu biểu quyết;</i></p> <p>d. <i>Mẫu chi định đại diện theo ủy quyền dự họp;</i></p> <p>e. <i>Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</i></p> <p>5. <i>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập ở điểm m khoản 1 Điều 26 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Ngân hàng chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại</i></p>	

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
		<p><i>hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số lượng và loại cổ phần cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</i></p> <p><i>6. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 5 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</i></p> <p><i>a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 5 Điều này;</i></p> <p><i>b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không sở hữu từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên;</i></p> <p><i>c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</i></p>	

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
<p>Sửa đổi Điều 34</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung nội dung “hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề” vào khoản 2 - Bổ sung nội dung “hoặc đại diện được ủy quyền” vào khoản 3 - Sửa đổi khoản 4 - Bổ sung khoản 5 - Bổ sung một nội dung vào khoản 6.c) - Bổ sung khoản 8 - Bổ sung nội dung “hợp pháp và hợp lý khác” vào khoản 9 - Bổ sung nội dung “Bổ trí chỗ ngồi” vào khoản 10.a) - Bổ sung nội dung “người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông” vào khoản 11 	<p>Điều 34. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ngân hàng sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết hoặc các phiếu biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết bằng thẻ tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được đếm trước, số thẻ phản đối nghị quyết được đếm sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Khi biểu quyết bằng các phiếu biểu quyết có thể bao gồm nhiều vấn đề cần lấy biểu quyết. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết sẽ được xác lập thành biên bản riêng. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó.</p> <p>3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành</p>	<p>Điều 34. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ngân hàng sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết <i>các phiếu biểu quyết và/hoặc</i> một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết bằng thẻ tại đại hội, <i>số thẻ đồng ý (tán thành) được đếm trước, số thẻ không đồng ý (không tán thành) được đếm sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu đồng ý (tán thành) hay không đồng ý (không tán thành) để quyết định. Tổng số phiếu đồng ý (tán thành), không đồng ý (không tán thành) hoặc không biểu quyết hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Khi biểu quyết bằng các phiếu biểu quyết có thể bao gồm nhiều vấn đề cần lấy biểu quyết. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết sẽ được xác lập thành biên bản riêng và được Chủ tọa công bố ngay hoặc trước khi bế mạc cuộc họp.</i></p> <p>3. Cổ đông <i>hoặc đại diện được ủy quyền</i> đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm</p>	<p>Sửa đổi để phù hợp với Điều 146 của Luật DN và Điều 20 của Điều lệ mẫu</p>

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	<p>trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.</p> <p>4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra đề cử một thư ký hoặc Tổ thư ký để lập biên bản Đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố. Chủ tọa đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị một chủ tọa đoàn với số lượng không quá 03 (ba) người để cùng chủ trì đại hội.</p> <p>5. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:</p> <p>c) Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.</p> <p>...</p>	<p>dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.</p> <p>4. <i>Việc bầu chủ tọa và thư ký được quy định như sau:</i></p> <p>a) <i>Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</i></p> <p>b) <i>Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</i></p> <p>c) Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị một Chủ tọa đoàn với số lượng không quá 03 (ba) người để cùng chủ trì đại hội.</p>	

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	<p>7. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.</p> <p>8. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên ra khỏi cuộc họp Đại hội.</p> <p>9. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:</p> <p>a) Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>....</p>	<p>d) Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông đề cử một thư ký hoặc Tổ thư ký để lập biên bản Đại hội.</p> <p><i>5. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;</i></p> <p>6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:</p> <p><i>c) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.</i></p> <p>Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.</p> <p><i>8. Chủ tọa có quyền tiến hành các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người tham dự.</i></p> <p>9. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh <i>hợp pháp và hợp lý</i></p>	

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	<p>10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <p>.....</p>	<p><i>khác</i>. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên ra khỏi cuộc họp Đại hội.</p> <p>10. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:</p> <p>a) <i>Bố trí chỗ ngồi</i> tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>...</p> <p>11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, <i>người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</i> khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <p>...</p>	

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
<p>Sửa đổi khoản 2, bổ sung một số nội dung vào khoản 5.b), 5.c) Điều 35</p>	<p>Điều 35. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện 100% (một trăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.</p> <p>....</p> <p>5. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi bảo đảm các điều kiện sau đây:</p> <p>b) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</p>	<p>Điều 35. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. <i>Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng;</i></p> <p>....</p> <p>5. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi bảo đảm các điều kiện sau đây:</p> <p>b) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả thành viên Hội đồng quản trị độc lập) và thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát tại kỳ Đại hội và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. <i>Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ</i></p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp với Điều 59 Luật TCTD, Điều 148 và 152.2 của Luật DN.</p>

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	<p>c) Được số cổ đông đại diện trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận đối với một số vấn đề sau:</p> <p>(i) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;</p> <p>(ii) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng;</p> <p>(iii) Quyết định việc tổ chức lại, giải thể, phá sản Ngân hàng;</p> <p>(iv) Quyết định việc đầu tư, mua, bán tài sản của Ngân hàng có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên</p>	<p><i>số thành viên của nhiệm kỳ được Đại hội đồng cổ đông thông qua và tỷ lệ tổng số phiếu bầu cho từng ứng viên trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp Đại hội phải đạt trên 51%. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng (đã đạt tỷ lệ trên 51%) của Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau, không áp dụng tỷ lệ trên 51% cho việc bầu lại hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ này</i></p> <p>c) Được số cổ đông đại diện trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận đối với một số vấn đề sau:</p> <p>(i) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;</p> <p>(ii) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Ngân hàng;</p>	

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.	<p>(iii) Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng;</p> <p>(iv) Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của Ngân hàng có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.</p> <p>(v) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>(vi) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Ngân hàng.</p>	
Sửa đổi khoản 2, 3, 5, 6, 7, 10 Điều 36	<p>Điều 36. Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>...</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông.</p>	<p>Điều 36. Thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>...</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 31 của Điều lệ này.</p>	Sửa thâm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo Điều 149 của Luật DN và Điều 22 của Điều lệ mẫu

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	<p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Ngân hàng;...</p> <p>c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</p> <p>5. Phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.</p>	<p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, <i>mã số doanh nghiệp</i> của Ngân hàng;...</p> <p>c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, <i>số thẻ căn cước công dân</i>, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ <i>trụ sở chính</i>, số quyết định thành lập hoặc <i>mã số doanh nghiệp</i> của cổ đông hoặc <i>họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác</i> của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d) <i>Vấn đề cần thông qua</i> và phương án biểu quyết bao gồm tán thành (đồng ý), không tán thành (không đồng ý) và không có ý kiến;</p> <p>5. <i>Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Ngân hàng theo một trong các hình thức sau đây:</i></p> <p><i>a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi</i></p>	

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	<p>6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Ngân hàng. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ngân hàng, nơi đăng ký kinh doanh;</p> <p>e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng và của người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên</p>	<p><i>về Ngân hàng phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</i></p> <p><i>b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</i></p> <p><i>Các phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</i></p> <p>6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Ngân hàng. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Ngân hàng;</p> <p>e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của</p>	

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	<p>đời chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>7. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>10. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước.</p>	<p>biên bản kiểm phiếu; liên đời chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>7. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. <i>Trường hợp Ngân hàng có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thực hiện bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</i></p> <p>10. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu, tất cả các nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước.</p>	
<p>Sửa đổi khoản 1, 2, 4 và bỏ khoản 3 Điều 37</p>	<p>Điều 37. Các đại diện được ủy quyền</p> <p>1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. ...</p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Ngân hàng và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp:</p>	<p>Điều 37. Các đại diện được ủy quyền</p> <p>1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc <i>ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự...</i></p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản.</p> <p>Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của</p>	<p>Sửa đổi theo Điều 16 của Điều lệ mẫu</p>

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	<p>b) Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>...</p> <p>4... Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Ngân hàng nhận được thông báo về một trong các sự kiện chậm nhất 24 (hai mươi bốn) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	<p>bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Ngân hàng).</p> <p>.4...Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Ngân hàng nhận được thông báo về một trong các sự kiện <i>trên</i> trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	
Sửa đổi Điều 38	<p>Điều 38. Thay đổi các quyền</p> <p>1.Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến vốn cổ phần của Ngân hàng được chia thành các loại cổ phần khác nhau, về việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ trên 51% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.</p>	<p>Điều 38. Thay đổi các quyền</p> <p>1.Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến vốn cổ phần của Ngân hàng được chia thành các loại cổ phần khác nhau, <i>việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua.</i></p>	Sửa đổi theo khoản 1 Điều 17 của Điều lệ mẫu
Sửa đổi Điều 39	<p>Điều 39. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng</p>	<p>Điều 39. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p><i>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu như sau</i></p>	Sửa đổi theo Điều 23 của Điều lệ mẫu

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	<p>chúng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 10 (mười ngày) kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.</p> <p>2. Trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bế mạc cuộc họp, tất cả các quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố nơi Ngân hàng đặt trụ sở chính.</p>	<p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) Chương trình và nội dung cuộc họp;</p> <p>d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;</p> <p>đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;</p> <p>e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp;</p> <p>g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành (đồng ý), không tán thành (không đồng ý) và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản</p>	

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
		<p><i>hợp;</i></p> <p><i>j) Các nội dung khác theo quy định pháp luật.</i></p> <p><i>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</i></p> <p><i>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</i></p> <p><i>3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</i></p> <p><i>4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.</i></p>	

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
		<p>5. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bế mạc cuộc họp, tất cả các Nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước.</p>	
<p>Sửa đổi Điều 40</p>	<p>Điều 40. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, thành viên Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trình tự và thủ tục triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật; hoặc 2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm các quy định của Điều lệ này hoặc pháp luật. 	<p>Điều 40. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Trình tự và thủ tục triệu tập cuộc họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 35 của Điều lệ; hoặc 2. Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này. 	<p>Sửa đổi theo Điều 115, Điều 151 của Luật DN</p>
<p>Sửa đổi Điều 41</p> <p>- Sửa đổi khoản 2</p>	<p>Điều 41. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 41. Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị</p>	<p>Sửa lại cấu trúc và nội dung cho phù</p>

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
<p>đồng thời tách thành 02 khoản (2 và 3) - Sửa đổi khoản 4</p>	<p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 05 (năm) người và nhiều nhất là 11 (mười một) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc. Hội đồng quản trị có tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị không phải là người điều hành Ngân hàng và thành viên độc lập, trong đó có tối thiểu 01 (một) thành viên độc lập. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể là thành viên độc lập.</p> <p>...</p> <p>4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ</p>	<p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 05 (năm) người và nhiều nhất là 11 (mười một) người, <i>trong đó có ít nhất 01 (một) thành viên độc lập. Số lượng thành viên HĐQT cụ thể của từng nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành của Ngân hàng. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong số các thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quá bán. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể là thành viên độc lập nhưng không được kiêm Tổng giám đốc của Ngân hàng.</i></p> <p>3. <i>Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết</i></p>	<p>hợp Điều 43 Luật TCTD và Điều 274 Nghị định 155</p>

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	<p>chế do Ngân hàng quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	<p><i>thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</i></p> <p>...</p> <p><i>5. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả thành viên Hội đồng quản trị độc lập) thông qua đề cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này và Quy chế quản trị nội bộ của Ngân hàng. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</i></p>	
<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 3, 5, 6, 7, 12, bỏ khoản 13 của Điều 42</p>	<p>Điều 42. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>3. Quyết định cơ cấu tổ chức của trụ sở chính, bộ phận kiểm toán nội bộ, sở giao dịch, chi nhánh, công ty con, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.</p> <p>5. Quyết định việc mở sở giao dịch, chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.</p> <p>6. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng quản trị, các chức danh</p>	<p>Điều 42. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>3. <i>Quyết định cơ cấu tổ chức của trụ sở chính, chi nhánh, công ty con, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.</i></p> <p>5. <i>Quyết định việc mở chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp.</i></p> <p>6. <i>Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng quản trị và</i></p>	<p>Sửa theo Điều 63. của Luật TCTD và Điều 12, 33.3(b) của Nghị định 93 và Điều 270 Nghị định 155</p> <p>Nội dung về chọn tổ chức kiểm toán được quy định lại tại Điều 79 Điều lệ</p>

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	<p>thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ, Giám đốc sở giao dịch, chi nhánh, công ty con, đơn vị sự nghiệp, Trường văn phòng đại diện và các chức danh khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị trên cơ sở quy định nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.</p> <p>7. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.</p> <p>12. Quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập.</p> <p>13. Chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến bộ phận kiểm toán nội bộ, hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.</p>	<p><i>người quản lý, người điều hành khác theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị.</i></p> <p><i>7. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, phương án chuyển nhượng vốn đầu tư ra bên ngoài tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.</i></p> <p><i>12. Quyết định cách thức và mức bồi thường khi thực hiện xử lý tổn thất về tài sản tại Ngân hàng. Hội đồng quản trị phân cấp về thẩm quyền quyết định cụ thể theo các quy định nội bộ của Ngân hàng.</i></p>	<p>Thay thế khoản 12 bằng nội dung mới về cách thức và mức bồi thường khi thực hiện xử lý tổn thất về tài sản tại Ngân hàng quy định tại Điều 12 Nghị định 93. Nội dung về chọn tổ chức kiểm toán được quy định lại tại Điều 79 Điều lệ.</p>
<p>Sửa đổi điểm a, e khoản 2 và thêm một khoản vào Điều 43</p>	<p>Điều 43. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị:</p> <p>a) Triệu tập và chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>e) Đảm bảo rằng các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác, và dễ hiểu liên quan đến các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;</p>	<p>Điều 43. Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị:</p> <p>a) Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>e) Đảm bảo rằng các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác, và có đủ thời gian để thảo luận liên quan đến các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;</p>	<p>Sửa đổi theo Điều 64.6 của Luật TCTD</p> <p>Bổ sung khoản 3 về quyền và nghĩa vụ của Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>Khoản 3 hiện hành được điều chỉnh</p>

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
		3. Trong trường hợp Ngân hàng có Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị thì quyền và nghĩa vụ của Phó Chủ tịch do Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.	thành khoản 4.
<p>Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 44</p> <p>Nội dung mua bảo hiểm trách nhiệm được chuyển đến Điều 45 Điều lệ</p>	<p>Điều 44. Quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>2. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực vì lợi ích của Ngân hàng và cổ đông.</p> <p>7. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận...</p>	<p>Điều 44. Quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>2. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị <i>một cách trung thực, cân trọng vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng và cổ đông.</i></p> <p>7. <i>Tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận...</i></p> <p>...</p> <p>10. <i>Báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà mình nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác.</i></p> <p>11. <i>Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Ngân hàng, công ty con, công ty do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Ngân hàng với công ty</i></p>	<p>Sửa theo Điều 277.2 của Nghị định 155</p> <p>Bổ sung khoản 10, 11 và 12 vào Điều 44 để làm rõ quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị</p>

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
		<p>trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.</p> <p>12. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Ngân hàng theo quy định của pháp luật.</p> <p>....</p>	
<p>Sửa đổi Điều 45</p> <p>Sửa đổi khoản 3, Bộ cụm từ “bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch” tại Khoản 4,</p> <p>Sửa đổi khoản 5 và bổ sung khoản 6</p>	<p>Điều 45. Thù lao và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>3. Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải ghi thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại các cuộc họp thường niên.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị...</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực</p>	<p>Điều 45. Thù lao và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>3. <i>Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Ngân hàng, công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Ngân hàng. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng.</i></p> <p>4. <i>Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành, hoặc thành viên Hội đồng quản trị...</i></p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện <i>trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh</i></p>	<p>Sửa theo Điều 28 của Điều lệ mẫu</p>

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	<p>hiện nhiệm vụ được giao. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng.</p>	<p><i>trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các Ủy ban của Hội đồng quản trị. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng.</i></p> <p><i>6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Ngân hàng mua bảo hiểm trách nhiệm theo quy định pháp luật.</i></p>	
<p>Sửa đổi điểm c khoản 1, điểm b, c, d khoản 2, khoản 3 Điều 46</p>	<p>Điều 46. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 63 Điều lệ này;</p> <p>b) Có đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 65 và Điều 66 Điều lệ này;</p> <p>c) Hiểu biết về hoạt động ngân hàng:</p> <p>(i) Có bằng Đại học hoặc trên Đại học về ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật; hoặc</p> <p>(ii) Có ít nhất 03 (ba) năm làm người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, kế toán, kiểm toán; hoặc</p> <p>(iii) Có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp tại các bộ phận nghiệp vụ trong lĩnh vực ngân hàng, tài</p>	<p>Điều 46. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 63 Điều lệ này;</p> <p>b) Có đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 65 và Điều 66 Điều lệ này;</p> <p>c) Có bằng Đại học trở lên;</p> <p>d) Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại</p>	<p>Sửa theo Điều 50 của Luật TCTD (nội dung này được sửa theo khoản 1.10 Luật sửa đổi bổ sung Luật TCTD)</p>

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	<p>chính, kiểm toán hoặc kế toán; hoặc</p> <p>(iv) Là cổ đông cá nhân sở hữu hoặc người được ủy quyền đại diện sở hữu ít nhất 5% (năm phần trăm) tổng số vốn cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết của Ngân hàng, trừ trường hợp là thành viên độc lập của Hội đồng quản trị.</p> <p>2 ...</p> <p>b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao thường xuyên, của Ngân hàng ngoài những khoản được hưởng theo tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Không phải là người mà vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của mình sở hữu từ 5% (năm phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng, là người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;</p> <p>d) Không trực tiếp hoặc đại diện sở hữu từ 1% (một phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;</p> <p>3. Ngoài các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điều này thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.</p>	<p><i>bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.</i></p> <p>2...</p> <p>b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao thường xuyên, của Ngân hàng ngoài những khoản <i>phụ cấp của</i> thành viên Hội đồng quản trị <i>được hưởng theo quy định</i>;</p> <p>c) Không phải là người mà vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của mình là <i>Cổ đông lớn</i> của Ngân hàng, là người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;</p> <p>d) Không trực tiếp, <i>gián tiếp</i> sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% (một phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;</p> <p>3. Ngoài các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điều này thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải tuân thủ các quy định hiện hành của <i>Luật các tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật</i> có liên quan.</p>	

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
<p>Bổ khoản 4, 7 Điều 47 và bổ sung thêm một khoản về trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc đương nhiên mất tư cách thành viên</p>	<p>Điều 47. Đương nhiên mất tư cách, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>4. Chức danh được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y trước đây của (những) người bị mất tư cách đương nhiên quy định tại khoản 1 Điều này đương nhiên hết hiệu lực.</p> <p>7. Chức danh đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y đương nhiên hết hiệu lực khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Ngân hàng.</p>	<p>Điều 47. Đương nhiên mất tư cách, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p><i>...Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc đương nhiên mất tư cách thành viên thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị bầu một trong số họ tạm thay thế và đảm nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời hạn chậm nhất 10 (mười) ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện trên.</i></p>	<p>Bổ khoản 4 và 7 Điều 47 để phù hợp với quy định pháp luật hiện hành</p>
<p>Sửa đổi Điều 48</p> <p>Sửa đổi khoản 2, 4, 5, 6</p> <p>Sửa đổi thời hạn triệu tập họp HĐQT tại khoản 7</p> <p>Bổ sung khoản 8,</p> <p>Các khoản còn lại: sửa đổi, bổ sung</p>	<p>Điều 48. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của Ngân hàng hoặc ở nơi khác.</p> <p>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;</p> <p>b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) cán bộ quản lý;</p> <p>c) Có đề nghị ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;</p>	<p>Điều 48. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>2. <i>Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của Ngân hàng hoặc ở nơi khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</i></p> <p>4. <i>Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây,:</i></p> <p><i>a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập;</i></p> <p><i>b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người điều hành khác;</i></p> <p><i>c) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;</i></p>	<p>Sửa theo Điều 30 của Điều lệ mẫu</p>

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	<p>d) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Trưởng Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>7. Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày</p>	<p><i>d) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật khác có liên quan.</i></p> <p><i>Đề nghị quy định tại khoản này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</i></p> <p><i>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 (năm)² ngày làm việc trước ngày họp trừ một số trường hợp khẩn cấp hoặc để xử lý kịp thời các nội dung quan trọng. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</i></p> <p><i>Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Ngân hàng.</i></p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm</p>	

² K6 Điều 157 Luật DN quy định: "Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ công ty không có quy định khác"

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	<p>nhận được một trong các đề nghị theo quy định tại Điều lệ này.</p> <p>...</p> <p>9. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên Hội đồng quản trị có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên Hội đồng quản trị khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị chậm nhất 01 (một) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.</p> <p>10. Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên Hội đồng quản trị dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trong trường hợp này, người được ủy quyền dự họp không được biểu quyết.</p> <p>11. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số phiếu tán thành, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của người chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p><i>7. Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được một trong các đề nghị nêu tại khoản 4 Điều này. ...</i></p> <p><i>8. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Ngân hàng.</i></p> <p><i>10. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một phần hai) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</i></p>	

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
		<p>11. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 12, khoản 13 Điều này;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị (trường hợp Chủ tọa không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị) chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p>	

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
		<p>12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên Hội đồng quản trị có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên Hội đồng quản trị khác.</p> <p>13. Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác không phải là thành viên Hội đồng quản trị dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trong trường hợp này, người được ủy quyền dự họp không được biểu quyết.</p> <p>14. Cách thức biểu quyết;</p> <p>a) Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị.</p> <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền liên quan tới vấn đề được đưa ra Hội đồng quản trị quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Hội đồng quản trị khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.</p> <p>c) Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Hội</p>	

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
		<p><i>đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị và những nghị ngờ đó không được thành viên Hội đồng quản trị đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghị ngờ đó sẽ chuyển tới chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan đó chưa được biết rõ.</i></p> <p><i>d) Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu tại khoản 1 Điều 68 Điều lệ sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.</i></p> <p><i>15. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số phiếu tán thành (đồng ý), bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của người chủ tọa cuộc họp.</i></p> <p><i>16. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành (đồng ý) của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.</i></p>	

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
		<p>17. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn năm (05) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng. Biên bản họp phải có chữ ký của Chủ tọa và người ghi Biên bản.</p>	
<p>Sửa đổi điểm p khoản 4 Điều 50</p>	<p>Điều 50. Tổng giám đốc 4. Quyền và nhiệm vụ của Tổng giám đốc: p) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.</p>	<p>Điều 50. Tổng giám đốc 4. Quyền và nhiệm vụ của Tổng giám đốc: p) Các quyền và nhiệm vụ khác <i>theo hợp đồng lao động ký với Ngân hàng, các quy chế nội bộ của Ngân hàng, quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.</i></p>	<p>sửa mục p cho phù hợp với thực tế quản trị, điều hành tại Eximbank</p>

<p>Sửa đổi tiêu đề và điểm c khoản 1 Điều 52</p>	<p>Điều 52. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Sở giao dịch, Chi nhánh, Giám đốc các công ty con và chức danh tương đương</p> <p>1. Tổng giám đốc Ngân hàng phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>...</p> <p>c) Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm:</p> <p>(i) Có bằng Đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật;</p> <p>(ii) Có ít nhất 05 (năm) năm làm người điều hành của Ngân hàng hoặc có ít nhất 05 (năm) năm làm Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với tổ chức tín dụng là công ty cổ phần theo quy định của pháp luật hoặc có ít nhất 10 (mười) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán hoặc kiểm toán;</p>	<p>Điều 52. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc các công ty con và chức danh tương đương</p> <p>1. Tổng giám đốc Ngân hàng phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>...</p> <p>c) Có bằng Đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật;</p> <p>d) Có ít nhất 05 (năm) năm làm người điều hành của Ngân hàng; hoặc có ít nhất 05 (năm) năm làm Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với tổ chức tín dụng là công ty cổ phần theo quy định của pháp luật và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; hoặc có ít nhất 10 (mười) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán hoặc kiểm toán;</p>	<p>Điểm d khoản này được sửa theo Điều 50.4.d của Luật Các tổ chức tín dụng (nội dung này được sửa theo khoản 1.11 Luật sửa đổi bổ sung Luật TCTD) và trình bày lại cho dễ hiểu.</p>
--	--	--	--

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
<p>Sửa đổi và bổ sung khoản 1, 2, 4, 7 và 8 Điều 53</p>	<p>Điều 53. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc</p> <p>1. Tổng giám đốc đương nhiên mất tư cách Tổng giám đốc trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết;</p> <p>b) Vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 63 Điều lệ này;</p> <p>c) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>d) Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;</p> <p>đ) Hợp đồng thuê Tổng giám đốc hết hiệu lực.</p>	<p>Điều 53. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc</p> <p>1. Tổng giám đốc đương nhiên mất tư cách Tổng giám đốc trong các trường hợp sau:</p> <p>a) <i>Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết;</i></p> <p>b) <i>Vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 63 Điều lệ này;</i></p> <p>c) <i>Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức (mà Tổng giám đốc là người đại diện vốn góp) chấm dứt;</i></p> <p>d) <i>Tư cách làm người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức chấm dứt;</i></p> <p>đ) <i>Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;</i></p>	<p>Sửa theo đúng quy định tại Điều 35 của Luật TCTD</p> <p>Bãi bỏ khoản 4, khoản 7 do không còn phù hợp pháp luật hiện hành.</p>

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	<p>2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày xác định được Tổng giám đốc bị dương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật; đồng thời thực hiện các thủ tục để thuê, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật.</p> <p>4. Chức danh được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y trước đây của Tổng giám đốc bị mất tư cách đương nhiên quy định tại khoản 1 Điều này đương nhiên hết hiệu lực.</p> <p>7. Chức danh đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y đương nhiên hết hiệu lực khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Ngân hàng.</p> <p>8. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 5 Điều này, Hội đồng quản trị Ngân hàng phải có văn bản thông báo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi Ngân hàng Nhà</p>	<p><i>e) Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;</i></p> <p><i>đ) Hợp đồng thuê Tổng giám đốc hết hiệu lực.</i></p> <p>2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày xác định được Tổng giám đốc bị dương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật; đồng thời thực hiện các thủ tục để bổ nhiệm Tổng giám đốc theo các quy định của pháp luật.</p> <p>6. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm <i>Tổng giám đốc</i>, Hội đồng quản trị Ngân hàng phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước; đồng thời thực hiện các thủ tục để bổ nhiệm Tổng giám đốc theo các quy định của pháp luật.</p>	

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	<p>nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật; đồng thời thực hiện các thủ tục để bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật.</p> <p>Trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày thông báo, Hội đồng quản trị tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm hoặc thuê Tổng giám đốc mới.</p>		
<p>Sửa đổi khoản 2, bổ sung khoản 3 Điều 54</p>	<p>Điều 54. Ban kiểm soát và cơ cấu Ban kiểm soát</p> <p>2. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên. Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Số thành viên Ban kiểm soát chuyên trách không ít hơn 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác. Ban kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng ban.</p>	<p>Điều 54. Ban kiểm soát và cơ cấu Ban kiểm soát</p> <p>2. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên. Số thành viên Ban kiểm soát chuyên trách không ít hơn 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại tổ chức tín dụng hoặc doanh nghiệp khác. <i>Các thành viên Ban kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số.</i></p> <p>3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên Ban kiểm soát thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát - phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan</p>	<p>Để phù hợp với khoản 2 Điều 168 Luật DN</p>

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
		<p><i>đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng và phải làm việc chuyên trách tại Ngân hàng.</i></p> <p>...</p>	
<p>Sửa đổi Điều 55</p> <p>Thay từ “<i>xem xét</i>” bằng từ “<i>kiểm tra</i>” tại khoản 5,</p> <p>Bổ sung các cụm từ “<i>bằng văn bản</i>”, “<i>trong vòng 48 giờ</i>” và “<i>nội dung “Người điều hành”</i>” tại khoản 6</p> <p>Bổ sung mới khoản 7, 8, 11, 12, 13</p>	<p>Điều 55. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát</p> <p>5. Xem xét sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 26 Điều lệ này.</p> <p>6. Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện trường hợp vi phạm của người quản lý Ngân hàng theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật hiện hành có liên quan, đồng thời yêu cầu người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có). Lập danh sách cổ đông lớn, cổ đông sáng lập và những người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cổ đông sáng lập, cổ đông lớn của Ngân hàng, lưu giữ và cập nhật danh sách này.</p> <p>....</p>	<p>Điều 55. Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban kiểm soát</p> <p>5. <i>Kiểm tra</i> sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại điểm l, m khoản 1 Điều 26 Điều lệ này.</p> <p>6. Kịp thời thông báo <i>bằng văn bản</i> với Hội đồng quản trị <i>trong vòng 48 giờ</i> khi phát hiện trường hợp vi phạm của người quản lý Ngân hàng và <i>Người điều hành</i> Ngân hàng khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật hiện hành có liên quan, đồng thời yêu cầu người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).</p> <p>7. <i>Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.</i></p> <p>8. <i>Lập danh sách cổ đông lớn, cổ đông sáng lập và những người có liên quan của thành viên Hội</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 170 LDN, Điều 288 của Nghị định 155 và Điều 45.2a của Luật TCTD, khoản 1 Điều 39 Điều lệ mẫu.</p>

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
		<p><i>đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cổ đông sáng lập, cổ đông lớn của Ngân hàng, lưu giữ và cập nhật danh sách này.</i></p> <p>....</p> <p><i>11. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.</i></p> <p><i>12. Giám sát tình hình tài chính Ngân hàng, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.</i></p> <p><i>13. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Ngân hàng; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Ngân hàng, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</i></p>	
<p>Bổ sung khoản 2 và sửa khoản 4 Điều 58</p>	<p>Điều 58. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát</p>	<p>Điều 58. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát</p> <p><i>...2. Các nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải</i></p>	<p>Bổ sung phù hợp với khoản 1 Điều 171 Luật DN</p>

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	<p>4. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo yêu cầu của Ban kiểm soát, phải bảo đảm rằng tất cả bản sao chụp các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p><i>được gửi đến cho các Thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị...</i></p> <p>5. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo yêu cầu của <i>thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát</i>, phải bảo đảm rằng tất cả bản sao chụp các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Sửa khoản 4 thành khoản 5 và bỏ cụm từ “cũng như các biên bản họp Hội đồng quản trị” cho phù hợp.</p>
<p>Sửa đổi tiêu đề và khoản 1 Điều 59</p>	<p>Điều 59. Thù lao và các chi phí khác của thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hằng ngày của thành viên.</p>	<p>Điều 59. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Thành viên Ban kiểm soát được <i>trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác</i> theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định <i>tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác</i> và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.</p>	<p>Sửa khoản 1 Điều 59 cho phù hợp với Điều 172.1 Luật DN</p>

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
Bổ sung khoản 6, khoản 7 vào Điều 60	<p>Điều 60. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát</p> <p>Không quy định</p>	<p>Điều 60. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát</p> <p>6. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Ngân hàng;</p> <p>7. Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng trong 03 năm liền trước đó;</p>	Bổ sung cho phù hợp với khoản 2 Điều 286 Nghị định 155.
Sửa đổi điểm b khoản 5 và bỏ khoản 6 Điều 61	<p>Điều 61. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</p> <p>4... b) Có đơn xin từ chức gửi Ban kiểm soát Ngân hàng (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức);</p> <p>6. Chức danh đã được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y đương nhiên hết hiệu lực khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền của Ngân hàng</p>	<p>Điều 61. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát</p> <p>4...</p> <p>b) Có đơn xin từ chức gửi <i>Hội đồng quản trị</i> và Ban kiểm soát Ngân hàng (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức);</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp với Luật TCTD</p> <p>Bổ sung cụm từ “Hội đồng quản trị” vào điểm b) khoản 4 của Điều 61; Bỏ khoản 6 Điều 61 về yêu cầu đăng ký chức danh</p>
Sửa đổi Điều 62	<p>Điều 62. Cuộc họp của Ban kiểm soát</p>	<p>Điều 62. Cuộc họp của Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào Biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành</p>	Điều 289 Nghị định 155

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
		<p>viên Ban kiểm soát.</p> <p>2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</p> <p>Các nội dung liên quan đến cuộc họp Ban kiểm soát (thê thức thông báo, triệu tập họp, thê thức tổ chức cuộc họp, biểu quyết, biên bản họp, lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản) được quy định cụ thể tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.</p>	
<p>Sửa đổi điểm d khoản 1, điểm d khoản 2, bổ sung điểm h vào khoản 2 Điều 63</p>	<p>Điều 63. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ</p> <p>1. Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc Sở giao dịch, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc công ty con của Ngân hàng:</p> <p>...d) Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng; người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp nhà nước tại Ngân hàng;</p> <p>2... d) Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ</p>	<p>Điều 63. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ</p> <p>1. Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc công ty con của Ngân hàng:</p> <p>...d) Cán bộ, công chức; người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp nhà nước tại Ngân hàng;</p> <p>2... d) Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản</p>	<p>Sửa đổi và bổ sung theo Điều 33.1 và Điều 33.2.d của Luật TCTD</p> <p>Bỏ cụm từ “Giám đốc Sở giao dịch” tại Khoản 1 Điều 63</p> <p>Sửa đổi mục d), khoản 1 Điều 63 quy định về cán bộ công chức không được đảm nhiệm chức vụ</p> <p>Sửa cụm từ “quản lý</p>

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	<p>tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của tổ chức tín dụng theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn thi hành hoặc bị cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan pháp luật xác định người đó có sai phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;</p>	<p>trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn thi hành hoặc bị cơ quan <i>có thẩm quyền</i> xác định người đó có sai phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;</p> <p><i>...h) Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.</i></p> <p><i>3. Cha, mẹ, vợ, chồng, con và anh, chị, em của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính của Ngân hàng;</i></p>	<p>nhà nước, cơ quan pháp luật” thành “có thẩm quyền” tại mục d) khoản 2 Điều 63</p> <p>Bổ sung thêm mục h) vào khoản về trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ của Ngân hàng</p> <p>Dời mục e), khoản 1 thành khoản 3 độc lập của Điều 63</p>
<p>Sửa đổi khoản 3 Điều 64</p>	<p>Điều 64. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ</p> <p>3. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức</p>	<p>Điều 64. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ</p> <p>3. <i>Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức</i></p>	<p>Sửa đổi theo Điều 34.3 và 34.4 (sửa đổi) của Luật TCTD</p>

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	<p>danh tương đương:</p> <p>a) Không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của Ngân hàng;</p> <p>b) Không được đồng thời là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc) của doanh nghiệp khác.</p>	<p><i>danh tương đương của Ngân hàng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của Ngân hàng. Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương của Ngân hàng không được đồng thời là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.</i></p> <p><i>4. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Ngân hàng không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.</i></p>	<p>Tách khoản 3 thành khoản 3 và khoản 4 và bổ sung một số nội dung.</p>
<p>Sửa đổi khoản 1, khoản 2 Điều 65</p>	<p>Điều 65. Công khai các lợi ích liên quan</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương của Ngân hàng phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Ngân hàng, bao gồm:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh...</p> <p>b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh,</p>	<p>Điều 65. Công khai các lợi ích liên quan</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương của Ngân hàng phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Ngân hàng, bao gồm:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, <i>mã số doanh nghiệp ...</i></p> <p>b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp với Điều 39 (sửa đổi) của Luật TCTD</p>

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	<p>mã số doanh nghiệp...</p> <p>2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Ngân hàng trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.</p>	<p>doanh, mã số doanh nghiệp</p> <p>2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan hoặc có thay đổi thông tin;</p> <p>3. Ngân hàng phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin công khai theo quy định tại khoản 2 Điều này.</p>	
<p>Sửa đổi khoản 6 Điều 66</p>	<p>Điều 66. Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác</p> <p>6. Không được tạo điều kiện để cá nhân mình hoặc người có liên quan của mình quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 1 Điều lệ này vay vốn, sử dụng các dịch vụ khác của Ngân hàng với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của pháp luật và của Ngân hàng.</p>	<p>Điều 66. Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác</p> <p>6. Không được tạo điều kiện để cá nhân mình hoặc người có liên quan của mình vay vốn, sử dụng các dịch vụ khác của Ngân hàng với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của pháp luật và của Ngân hàng.</p>	<p>Bò nội dung “<i>quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 1 Điều lệ này</i>” cho phù hợp</p>
<p>Sửa đổi Điều 69</p>	<p>Điều 69. Công nhân viên và công đoàn</p> <p>Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản</p>	<p>Điều 69. Công nhân viên và công đoàn</p> <p>1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc</p>	<p>Sửa đổi cho phù hợp với nội dung Điều 50 của Điều lệ mẫu</p>

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Ngân hàng với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Ngân hàng và quy định pháp luật hiện hành.	tuyển dụng, <i>cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Ngân hàng.</i> 2. <i>Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Ngân hàng với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Ngân hàng và quy định pháp luật hiện hành.</i>	
Sửa lại tiêu đề của Mục 1, Chương V và nội dung của khoản 1 và 3 của Điều 77 về chế độ kế toán	<p>Mục 1. HỆ THỐNG KẾ TOÁN VÀ NĂM TÀI CHÍNH</p> <p>Điều 77. Hệ thống kế toán</p> <p>1. Hệ thống kế toán Ngân hàng sử dụng là Hệ thống kế toán theo quy định của Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước và pháp luật khác có liên quan.</p> <p>3. Các sổ sách kế toán của Ngân hàng được lập bằng tiếng Việt theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Mục 1. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ NĂM TÀI CHÍNH</p> <p>Điều 77. Chế độ kế toán</p> <p>1. <i>Chế độ kế toán Ngân hàng áp dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc các cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.</i></p> <p>3. Các sổ sách kế toán của Ngân hàng được lập bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định của Pháp luật.</p>	Sửa đổi cho phù hợp với nội dung Điều 54 của Điều lệ mẫu, thực tế áp dụng tại Eximbank.
Sửa lại tiêu đề của Mục 2, Chương V	Mục 2. KIỂM TOÁN VÀ CON DẤU	Mục 2. KIỂM TOÁN - QUY CHẾ TÀI CHÍNH VÀ CON DẤU	
Sửa đổi khoản 1 Điều 79 về Kiểm	Điều 79. Kiểm toán	Điều 79. Kiểm toán	Tách khoản 1 thành 02 khoản và sửa đổi

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
toán	<p>1. Hội đồng quản trị quyết định chọn một công ty kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, có đủ điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước để tiến hành các hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng cho năm tài chính tiếp theo phù hợp với quy định tại Điều lệ này và quy định có liên quan của pháp luật.</p> <p>Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập, Ngân hàng phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn.</p>	<p>1. Trước khi kết thúc năm tài chính, Ngân hàng phải lựa chọn một công ty kiểm toán độc lập có đủ điều kiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước để kiểm toán các hoạt động của mình trong năm tài chính tiếp theo.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định chọn công ty kiểm toán độc lập, Ngân hàng phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước về công ty kiểm toán độc lập được lựa chọn.</p>	<p>theo Khoản 1 Điều 288 Nghị định 155, khoản 2 Điều 7 Thông tư 39/2011/TT-NHNN và Điều 57 Điều lệ mẫu.</p> <p>Ngoài ra, để chủ động trong công tác quản trị, điều hành, việc quyết định chọn công ty kiểm toán độc lập sẽ giao cho Hội đồng quản trị</p>
Sửa đổi Điều 80	<p>Điều 80. Con dấu</p> <p>Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>Điều 80. Con dấu</p> <p>1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Ngân hàng. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</p>	<p>Bổ sung theo Điều 43 LDN và Điều 58 của Điều lệ mẫu</p> <p>Bổ sung khoản 1 vào Điều 80 Điều lệ</p>

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
		2. Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Ban kiểm soát sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.	
Sửa đổi khoản 2 Điều 82	<p>Điều 82. Trích lập quỹ</p> <p>2. Hàng năm, Ngân hàng sử dụng lợi nhuận sau thuế của mình như sau:</p> <p>a) Trích lập vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ với mức 5% (năm phần trăm) lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng. Mức tối đa của quỹ này không vượt vốn điều lệ của Ngân hàng theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Trích lập vào quỹ dự trữ tài chính với mức 10% (mười phần trăm) lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng và chi tiếp tục trích nộp tới khi bằng 25% (hai mươi lăm phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng, và các quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và các quỹ khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c) Trả cổ tức cho các cổ đông.</p> <p>Tỷ lệ trích lập các quỹ trên do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.</p>	<p>Điều 82. Trích lập quỹ</p> <p>2. Hàng năm, Ngân hàng sử dụng lợi nhuận sau thuế của mình như sau:</p> <p>a) Trích lập vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ với mức 5% (năm phần trăm) lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng. Mức tối đa của quỹ này không vượt vốn điều lệ của Ngân hàng theo quy định của pháp luật;</p> <p><i>b) Trích lập vào quỹ dự phòng tài chính với mức 10% (mười phần trăm) lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng.</i></p> <p><i>c) Trích lập các quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và các quỹ khác theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.</i></p> <p><i>d) Trả cổ tức cho các cổ đông;</i></p>	Sửa đổi và bổ sung theo Điều 139 của Luật các TCTD và Điều 23 của Nghị định 93
Sửa đổi khoản 8 Điều 83	<p>Điều 83. Trả cổ tức</p> <p>8. Trừ trường hợp cổ phiếu có các quyền đi kèm hoặc các điều khoản phát sinh cổ phiếu có quy định khác, mức cổ tức của những cổ phiếu chưa được thanh toán hết được trả theo tỷ lệ tương ứng với các khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó tính đến thời</p>	<p>Điều 83. Trả cổ tức</p> <p><i>8. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại Điều 15 của Điều lệ này. Ngân hàng phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ</i></p>	Sửa đổi theo Điều 135.6 của Luật DN

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	điểm chi trả cổ tức. Ngân hàng không chi trả cổ tức bổ sung khi các cổ phiếu đó chưa được thanh toán hết.	<i>tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.</i>	
Gộp các khoản 2, 3, 4, 5, 6 thành một khoản của Điều 89	<p>Điều 89. Giải thể Ngân hàng</p> <p>2. Các quyết định giải thể Ngân hàng do Đại hội đồng cổ đông thông qua và phải được thông báo lên cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.</p> <p>3. Chậm nhất trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày có quyết định giải thể Ngân hàng, Hội đồng quản trị thành lập Ban thanh lý gồm tối thiểu 03 (ba) thành viên, trong đó một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định có chuyên môn về kế toán, kiểm toán và hai thành viên (hoặc các thành viên còn lại của Ban thanh lý) do Đại hội đồng cổ đông chỉ định. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số cán bộ, nhân viên của Ngân hàng hoặc thuê chuyên gia độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình, quy trình và thủ tục thanh lý. Tất cả các chi phí liên quan đến việc thanh lý tài sản được Ngân hàng ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Ngân hàng.</p> <p>4. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Ngân hàng trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Ngân hàng trước toà án và các cơ quan có thẩm quyền khác.</p>	<p>Điều 89. Giải thể Ngân hàng</p> <p><i>2. Ngân hàng phải tiến hành thanh lý tài sản dưới sự giám sát của Ngân hàng Nhà nước và theo trình tự, thủ tục thanh lý tài sản do Ngân hàng Nhà nước quy định. Các thủ tục và quy định khác liên quan đến giải thể Ngân hàng thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.</i></p>	<p>Thủ tục và trình tự giải thể phải tuân theo quy định của Pháp luật hiện hành.</p> <p>Do đó không nên nêu chi tiết để tránh trường hợp quy định pháp luật có thay đổi.</p>

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	<p>5. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>a) Các chi phí thanh lý;</p> <p>b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm theo quy định của pháp luật cho cán bộ nhân viên;</p> <p>c) Thuế và các chi phí có tính chất thuế mà Ngân hàng phải trả cho Nhà nước Việt Nam;</p> <p>d) Các khoản vay và nợ khác của Ngân hàng;</p> <p>d) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán mọi khoản nợ từ điểm a đến điểm d khoản này được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ được ưu tiên thanh toán trước.</p> <p>6. Các thủ tục và quy định khác liên quan đến giải thể Ngân hàng thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.</p>		
<p>Bổ sung khoản 3 vào Điều 90</p>	<p>Điều 90. Phá sản Ngân hàng Không quy định</p>	<p>Điều 90. Phá sản Ngân hàng <i>3. Sau khi Thẩm phán chỉ định Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, Ngân hàng Nhà nước thu hồi Giấy phép của tổ chức tín dụng.</i></p>	<p>Bổ sung theo khoản 29 Điều 1 Luật TCTD sửa đổi</p>
<p>Sửa đổi khoản 1.b) Điều 91</p>	<p>Điều 91. Giải quyết tranh chấp nội bộ 1. b) ...Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ</p>	<p>Điều 91. Giải quyết tranh chấp nội bộ 1.b) ...Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải</p>	<p>Sửa theo Điều 62 Điều lệ mẫu.</p>

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tranh chấp. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.”	quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tranh chấp. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu <i>cơ quan có thẩm quyền</i> chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.”	
Sửa khoản 2, khoản 5 Điều 93	<p>Điều 93. Điều khoản chung</p> <p>2. Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng nhất trí thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2011, được sửa đổi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng ngày 12 tháng 5 năm 2012 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Điều lệ này thay thế Điều lệ Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam do Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức ngày 21 tháng 3 năm 2008 và được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chuẩn y theo Quyết định số 1965/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 8 năm 2009.</p>	<p>Điều 93. Điều khoản chung</p> <p>2. Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng nhất trí thông qua ngày [] tháng [] năm [] và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Điều lệ này thay thế Điều lệ Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam do Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức ngày 23 tháng 4 năm 2011.</p>	Sửa cho phù hợp.
	5. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Ngân hàng phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng	5. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Ngân hàng có giá trị khi được sao y, trích lục theo quy định về văn thư của Ngân hàng phù hợp với quy định	Sửa cho phù hợp với thực tế quản trị, điều hành.

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
	quản trị mới có giá trị./.	của pháp luật Việt Nam./.	
Bổ sung một Điều về Các Ủy ban (và Hội đồng) thuộc Hội đồng quản trị³	Không quy định	<p>Điều ... Các Ủy ban (và Hội đồng) thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị thành lập các Ủy ban (và Hội đồng) để giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình theo quy định tại Điều lệ này và theo quy định của pháp luật. Trong đó phải có Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự.</p> <p>2. Chức năng và nhiệm vụ của Ủy ban (và Hội đồng) thực hiện theo quy chế hoạt động của Ủy ban (và Hội đồng) do Hội đồng quản trị ban hành từng thời kỳ phù hợp quy định pháp luật và Điều lệ này.</p>	Phù hợp khoản 43.6 Luật Các TCTD và quy định về các Tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị tại Điều 31 Điều lệ mẫu.
Bổ sung một Điều về Người phụ trách quản trị Công ty		<p>Điều ... Người phụ trách quản trị Công ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị của Ngân hàng. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Ngân hàng theo quy định tại Luật doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p>	Bổ sung theo Điều 281 Nghị định 155 và Điều 32 Điều lệ mẫu

³ Hội đồng quản trị sẽ đánh số lại các Điều, khoản cho phù hợp sau khi nội dung sửa đổi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
		<p>a) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của của Ngân hàng;</p> <p>b) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.</p> <p>4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Ngân hàng và Cổ đông;</p> <p>b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng Cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d) Tham dự các cuộc họp;</p> <p>đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của Pháp luật;</p> <p>e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác</p>	

Điều/khoản sửa đổi	ĐIỀU LỆ HIỆN TẠI	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI	LÝ DO
		<p>cho thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Ngân hàng.</p> <p>h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p> <p>i) Bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ này;</p> <p>j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.</p>	
<p>Bổ sung một Điều về Quy chế tài chính¹</p>	<p>Không quy định</p>	<p>Điều ... Quy chế tài chính</p> <p><i>Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn về chế độ tài chính, Hội đồng quản trị phê duyệt Quy chế tài chính của Ngân hàng để làm căn cứ thực hiện.</i></p>	<p>Theo Nghị định 93, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị (trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền) phê chuẩn Quy chế tài chính của Ngân hàng. Vì vậy, HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn điều khoản này làm căn cứ thực hiện.</p>

¹ Hội đồng quản trị sẽ đánh số lại các Điều, khoản cho phù hợp sau khi nội dung sửa đổi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Ghi chú: Trong trường hợp các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị sẽ tiến hành cập nhật nội dung sửa đổi vào Điều lệ hiện hành, đánh lại số thứ tự các điều, khoản cho phù hợp và điều chỉnh các nội dung khác có liên quan.